

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
nhằm phục vụ quá trình hội nhập WTO trên
địa bàn huyện Đức Trọng giai đoạn 2010-2015**

SVTH: TRỊNH THU HẸ

LỜI MỞ ĐẦU

1) Lý do chọn đề tài.

Hiện nay, vấn đề phát triển được hầu hết các nước trên thế giới đặc biệt quan tâm. Để phát triển, mỗi quốc gia phải dựa vào các nguồn lực cơ bản: nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, tiềm lực khoa học công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn vốn... trong đó nguồn nhân lực (hay nguồn lực con người) luôn là nguồn lực cơ bản và chủ yếu nhất cho sự phát triển. Vì vậy, việc quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của mỗi quốc gia có vị trí trung tâm và tầm quan trọng hàng đầu trong hệ thống tổ chức và quản lý nhằm phát huy mọi tiềm năng lao động xã hội cho sự phát triển.

Trong sự vận hành của mình, nguồn nhân lực xã hội trải qua các quá trình từ sự hình thành, phát triển, tái sản xuất, phân bố đến việc được sử dụng vào các hoạt động của sản xuất xã hội. Đối với từng cá nhân người lao động thì các quá trình này diễn ra theo trình tự trước sau(sinh ra, lớn lên, đi học, tham gia vào các hoạt động sản xuất ở một ngành, lĩnh vực, được trả lương, kết thúc quá trình tham gia lao động và được hưởng bảo hiểm xã hội) nhưng xét cho đến toàn xã hội thì các quá trình trên diễn ra đồng thời. Trong mỗi quá trình đó con người tham gia vào các quan hệ xã hội, trong đó có các quan hệ lao động (quan hệ trong việc tham gia giáo dục, đào tạo, tham gia vào lao động sản xuất, tham gia vào quá trình phân phối, thông qua tiền lương (tiền công) và bảo hiểm xã hội...) Việc nghiên cứu các mối quan hệ đó có tính chất nền tảng cho việc tham gia hoạt động quản lý và hoạch định chính sách nguồn nhân lực quốc gia, một lĩnh vực trọng tâm của quản lý nhà nước.

Trong thời gian qua, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực, quyết tâm cao của các cấp, các ngành, các DN và của toàn dân, nền kinh tế ta mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng đã đạt được rất nhiều thành tựu to lớn, nhân dân thế giới rất nể phục. Tuy nhiên khi so sánh với nền kinh tế của các nước trong khu vực và thế giới thì nước ta còn nhiều yếu kém, nền kinh tế xuất phát điểm từ nền nông nghiệp lạc hậu, tâm lý tiểu xảo, manh mún. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của nguồn nhân lực con người, biện pháp sử dụng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách có hiệu quả là rất quan trọng. Ngày 7/11/2006 nước ta đã chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức

Thương mại thế giới WTO thì việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quá trình hội nhập này quan trọng hơn trước đây rất nhiều.

Đức Trọng là một trong những huyện có nền kinh tế phát triển nhất của tỉnh Lâm Đồng. Việc phát triển kinh tế trên địa bàn huyện ngoài việc phát huy được các lợi thế về giao thông, thổ nhưỡng còn phụ thuộc chủ yếu nguồn nhân lực trên địa bàn huyện. Đó là một nguồn lực chiếm đa số và có vai trò lớn nhất. Vậy ta phải làm gì để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Huyện Đức Trọng để phục vụ quá trình hội nhập WTO?

2) Mục đích nghiên cứu

Nhằm đưa ra giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở một số khía cạnh: Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực, bồi dưỡng phát triển nhân tài để phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội Huyện Đức Trọng.

3) Đối tượng và phạm vi nghiên cứu;

- Địa bàn nghiên cứu: Huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng
- Đối tượng nghiên cứu của đề tài gồm:
- Nguồn nhân lực trên địa bàn Huyện Đức Trọng, dân số huyện.
- Những cơ hội và thách thức cho nguồn nhân lực huyện Đức Trọng trong quá trình hội nhập WTO.

4) Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng
- Phân tích-tổng hợp
- Phương pháp thống kê

5) Kết cấu của báo cáo:

Chương I: Cơ sở lý luận.

Chương II: Tình hình nguồn nhân lực huyện Đức Trọng

Chương III: Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm phục vụ quá trình hội nhập WTO trên địa bàn huyện Đức Trọng giai đoạn 2010-2015.

BÁO CÁO KHÁI QUÁT

I. Địa điểm: Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng

II. Thời gian thực tập: 8 tuần (từ 16/3/2009 -15/5/2009)

1. Tuần 1: từ 16/3 -20/3

- Sáng 16 đến UBND huyện nhận phòng thực tập.
- Giới thiệu về đề tài thực tập
- Làm quen và giới thiệu bản thân với cơ quan thực tập
- Xác định đề tài báo cáo.
- Lập đề cương thực tập khái quát trình trưởng phòng.

2. Tuần 2 đến tuần 7 (23/03-8/05)

- Tìm hiểu cơ quan, phòng thực tập
- Bước đầu tìm tài liệu làm báo cáo thực tập
- Học hỏi kinh nghiệm trong quá trình làm việc tại phòng
- Tập trung, tổng hợp tài liệu làm báo cáo
- Hoàn thiện cơ bản báo cáo thực tập.

3. Tuần 8 :từ 11/05-15/05

- Tham khảo ý kiến của thầy hướng dẫn và cán bộ hướng dẫn sinh viên thực tập về báo cáo thực tập.
- Hoàn thiện báo cáo
- Xin nhận xét của đơn vị thực tập
- Kết thúc thực tập

III. Mục đích của việc thực tập

- Vận dụng những kiến thức đã được học vào công việc thực tiễn
- Tìm hiểu bộ máy đơn vị thực tập nói riêng và của cơ quan nhà nước nói chung
- Viết báo cáo thực tập và xin nhận xét của cơ quan thực tập
- Tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.KHÁI NIỆM

1.1.1.Nguồn nhân lực

1.1.1.1.Nguồn nhân lực xã hội(còn gọi là nguồn lao động xã hội)

Có nhiều khái niệm khác nhau về nguồn nhân lực xã hội:

Theo từ điển ngữ Pháp (1977 – 1985) quan niệm nguồn nhân lực không bao gồm những người có khả năng lao động nhưng không có nhu cầu làm việc.

Theo quy định của cục Thống kê, khi tính toán nguồn nhân lực xã hội còn bao gồm những người ngoài độ tuổi lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân.

Có một số quốc gia quan niệm nguồn nhân lực quốc gia là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động trở lên, có khả năng lao động, như vậy là không có giới hạn trên.

Từ những sự khác nhau đó, dẫn đến một số sự khác nhau trong tính toán quy mô nguồn nhân lực, vấn đề là ở chỗ những chênh lệch không đáng kể vì số người trong độ tuổi có khả năng lao động chiếm đa số tuyệt đối trong nguồn nhân lực.

Khái niệm chung nhất: **Nguồn nhân lực xã hội là dân số trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động.**

1.1.1.2.Nguồn nhân lực doanh nghiệp

Nguồn nhân lực doanh nghiệp là lực lượng lao động của từng doanh nghiệp, là số người có trong danh sách của doanh nghiệp, do doanh nghiệp trả long.

Theo cơ cấu chức năng, nguồn nhân lực doanh nghiệp chia làm 2 loại:

- Viên chức quản lý
- Công nhân

Theo thời gian làm việc, nguồn nhân lực được phân thành: lao động hợp đồng dài hạn, lao động hợp đồng ngắn hạn và lao động thời vụ.

Trong viên chức quản lý người ta còn chia ra các loại khác nhau để thuận lợi cho việc quản lý và phân tích nguồn nhân lực. Ví dụ, trong viên chức quản lý chia viên chức lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp và thừa hành.

1.1.2. Khái niệm phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực là tổng thể các hình thức, phương pháp, chính sách và biện pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (trí tuệ, thể chất và phẩm chất tâm lý- xã hội) nhằm đáp ứng đòi hỏi về nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn phát triển.

1.2. VAI TRÒ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI

1.2.1. Nguồn nhân lực- mục tiêu, động lực chính của sự phát triển.

Nói đến nguồn nhân lực xã hội là nói đến vai trò của con người trong sự phát triển. Vai trò của con người đối với sự phát triển được thể hiện ở 2 mặt, *thứ nhất*, con người với tư cách là người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ và kho tàng văn hoá, *thứ hai*, với tư cách người lao động, tạo ra các sản phẩm với sức lực và óc sáng tạo vô hạn.

Để tồn tại và phát triển, con người phải được đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần. Để không ngừng thoả mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng trong điều kiện các nguồn lực đều có hạn, con người ngày càng phát huy đầy đủ hơn khả năng về thể lực và trí lực cho sự phát triển không ngừng đó.

Với tư cách người sản xuất, con người có vai trò quyết định đối với sự phát triển. Trong bất kỳ một lộ trình văn minh sản xuất nào, lao động của con người vẫn đóng vai trò quyết định. Vấn đề chỉ là, cùng với sự phát triển của văn minh sản xuất sẽ dẫn đến sự thay đổi vị trí của lao động chân tay và lao động trí óc, trong đó lao động trí tuệ ngày càng có vai trò quyết định.

Trong khi hoạch định chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội nhằm thực hiện từng bước cương lĩnh xây dựng đất nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng và nhà nước ta xuất phát từ quan điểm mục tiêu đó thể hiện ở những tư tưởng sau:

-Đặt con người vào vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển hay còn gọi chiến lược con người, lấy lợi ích con người làm điểm xuất phát của mọi chương trình, kế hoạch phát triển.

-Khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, tập thể lao động và cả cộng đồng dân tộc trong việc thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

-Coi lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp trong sự gắn bó hữu cơ giữa lợi ích của mỗi người của từng tập thể và của toàn xã hội.

-Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo vệ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

1.2.2.Vai trò của nguồn nhân lực đối với tiến trình CNH-HĐH đất nước hiện nay.

Nước ta là một nước đang phát triển, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có điều kiện thuận lợi phát triển cơ cấu kinh tế công – nông - lâm – ngư – nghiệp, dịch vụ, công nghiệp và du lịch, thương mại du lịch. Đây là những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước cùng sự đóng góp của nhân dân trong việc thực hiện đổi mới kinh tế xã hội, Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, sự phát triển vượt bậc nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Tuy nhiên kinh tế nước ta vẫn chưa phát triển xứng đáng với tiềm năng vốn có: nông nghiệp, công nghiệp nhỏ lẻ, manh mún, lạc hậu, trình độ dân trí chưa cao. Nhận thức vai trò quan trọng là động lực của nguồn nhân lực đối với quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, Đảng ta chỉ đạo” Lấy việc phát huy yếu tố con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh, bền vững”. Đối với nước ta, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước và tham gia tích cực vào phân công lao động quốc tế, gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới (APEC,AFTA,WTO...) thực hiện các Hiệp định song phương (Việt – Mỹ...) đang là nhu cầu cấp bách, đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực phải có tính đột phá, tăng tốc.

Con đường để Việt Nam đi lên cạnh tranh và hội nhập là nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời người lao động phải phát huy phẩm chất, bản chất quý báu, tốt đẹp của dân tộc. Khâu đột phá quan trọng nhất là phải cải tiến hệ thống giáo dục- đào tạo để đào tạo nguồn nhân lực phát triển công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước.

1.2.3.Vai trò của nguồn nhân lực đối với quá trình hội nhập WTO

Toàn cầu hoá là quá trình xã hội hoá ngày càng sâu sắc, sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cùng với những mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố này ở quy mô toàn cầu. Quá trình toàn cầu hoá đã thúc đẩy cuộc chạy đua phát triển nguồn nhân lực tại các quốc gia, khu vực trên thế giới về khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và thị trường lao động quốc tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của tiến trình toàn cầu hoá đối với sự phát triển quốc gia, ngày 7/11/2006 nước ta đã chính thức trở thành thành viên thứ 50 của Tổ chức Thương mại thế giới WTO sau 11 năm đàm phán.

1.2.3.1. Cơ hội:

-Thứ nhất, xuất khẩu Việt Nam sẽ không còn bị thu hẹp trong các định hướng thương mại song phương mà sẽ có thị trường toàn cầu. Doanh nghiệp và hàng hoá của ta sẽ không bị phân biệt đối xử với doanh nghiệp và hàng hoá của các nước khác theo điều kiện đối xử tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia (NT).

-Thứ hai, hệ thống chính sách của ta đã làm rõ theo quy định của WTO sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vào Việt Nam, tăng khả năng thu hút vốn, công nghệ và học hỏi được kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

-Thứ ba, hệ thống kinh tế- thương mại dựa trên các nguyên tắc chung chứ không phải là sức mạnh sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh dễ dàng hơn với tất cả thành viên. WTO có cơ chế giải quyết tranh chấp giúp cho các nước nhỏ sẽ có điều kiện bình đẳng với các nước lớn.

-Thứ tư, việc giảm bớt hàng rào thương mại cho phép thương mại tăng trưởng góp phần làm tăng trưởng kinh tế nói chung, nhất là đối với phát triển kinh tế.

-Thứ năm, tham gia WTO tạo điều kiện thuận lợi hơn khi di chuyển vốn và công nghệ vào nước ta vì vậy thu hút vốn đầu tư tăng lên, tạo ra khả năng phát triển nhanh các KCN, các DN có nguồn vốn FDI.

-Thứ sáu, Tham gia WTO tạo ra khả năng di chuyển dễ dàng hơn của lao động Việt Nam trên thị trường quốc tế, do đó có tác động thúc đẩy xuất khẩu lao động. Đặc biệt nước ta có cơ hội hơn trong mở rộng thị trường xuất khẩu lao động kỹ thuật sang các nước thành viên WTO như :Mỹ, Canada, các nước Châu Âu....

1.2.3.2. Thách thức:

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Cơ cấu kinh tế ngành còn nặng về hướng nội, chưa có một cơ cấu kinh tế hiệu quả cho cả giai đoạn dài được xây dựng trên cơ sở gắn với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp, công nghiệp sang hoạt động dịch vụ yêu cầu nhiều kiến thức (Knowlegle – intensive) thí dụ như: đào

tạo công nghệ, thiết kế, chế tạo kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, công nghệ thông tin, viễn thông, ngân hàng và tài chính, kế toán, bảo hiểm, tư vấn R&D, tư vấn pháp luật, quản lý và xử lý môi trường, nghiên cứu thị trường, thông tấn và báo chí, cung ứng lao động...đòi hỏi rất cao.

b) Cải cách hệ thống pháp luật:

Để đáp ứng yêu cầu của WTO, chính phủ Việt Nam phải đề ra Chương trình xây dựng luật pháp để gia nhập WTO . Cam kết thực hiện những tiêu chuẩn quốc tế về sự minh bạch, đồng bộ, công bằng và hợp lý.

So với tiêu chuẩn quốc tế thì hệ thống Pháp luật Việt Nam còn nhiều yếu kém. Các văn bản pháp lý Việt Nam cần có một khoảng thời gian nhất định để chỉnh sửa nếu không sẽ rơi vào thế bị động. Chúng ta còn non kém, thiếu hiểu biết pháp luật khi quan hệ hợp tác làm ăn với nước ngoài, chưa biết rõ quy tắc, thiếu kinh nghiệm và cả tài chính trong các vụ tranh chấp quốc tế.

c) Thuế

Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ cắt giảm thuế quan của mình theo một lộ trình vạch sẵn. Nhìn chung các thành viên đều coi mức thuế suất trên 15% là cao và trên 30% là rất cao. Cam kết mức thuế của ta tuân theo lộ trình từ 3-5 năm sau khi gia nhập. Nhiều thành viên đã yêu cầu ta phải cắt giảm mức thuế quan đối với những mặt hàng mà họ quan tâm từ 3-5%, trong đó có nhiều mặt hàng rất nhạy cảm đối với nước ta.

Như vậy hàng hoá nhập khẩu vào nước ta một cách ồ ạt làm nước ta trở thành thị trường tiêu thụ của các nước, dẫn đến đình đốn phá sản của các ngành sản xuất trong nước cùng các ảnh hưởng xã hội phức tạp khác, nếu các doanh nghiệp trong nước không chuẩn bị tinh thần, không nâng cao sức cạnh tranh hàng hoá thì dễ bị thất bại ngay trên sân nhà.

d) Cạnh tranh dịch vụ

Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ là một vấn đề rất nhạy cảm liên quan đến khu vực tài chính của nước ta. Lĩnh vực dịch vụ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong mọi hoạt động kinh tế: xuất nhập khẩu, du lịch, an ninh tài chính và đặc biệt hệ thống ngân hàng. Cần đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ tài chính trong quá trình hội nhập.

*Du lịch Việt Nam thách thức hội nhập WTO: so với các nước trong khối ASEAN còn nhiều hạn chế.

*Thách thức của viễn thông Việt Nam.

Ngành này là đích ngắm của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Mục tiêu của Việt Nam là thu hút được các đối tác nước ngoài đầu tư trong tất cả các lĩnh vực. Thị trường viễn thông hội nhập, Doanh nghiệp nước ta có thêm cơ hội tiếp cận các công nghệ tiên tiến và được thử sức trên đấu trường quốc tế đồng thời chịu thêm sức ép cạnh tranh khá lớn không chỉ giữa các doanh nghiệp viễn thông nước ta mà với các tập đoàn viễn thông lớn hơn trên thế giới.

e) Nông sản

Sức ép lên khu vực nông nghiệp là một trong những thách thức mang tính chiến lược ở Việt Nam. Thách thức hiện nay chính là quy mô sản xuất- chế biến- bảo quản nông sản còn nhỏ, hạn chế trong ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, tụt hậu nhiều so với tốc độ phát triển của các nước trên thế giới. Hàng nông sản Việt Nam sẽ bị cạnh tranh gay gắt trên sân nhà, kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, lưu thông hàng hoá còn chậm phát triển, chi phí kho bãi, bến cảng thường cao hơn so với các nước trong khu vực. Một số ngành nông nghiệp cạnh tranh kém bị thu hẹp quy mô, một bộ phận lớn lao động nông thôn sẽ bị mất việc.

d) Doanh nghiệp nhà nước:

Nhiều doanh nghiệp còn thiếu hiểu biết về lộ trình và các yêu cầu của hội nhập, kiến thức và thông tin cần thiết về thị trường, luật pháp, thông lệ quốc tế còn hạn chế. Một số thành viên WTO yêu cầu nhà nước không được can thiệp vào hoạt động của Doanh nghiệp nhà nước(DNNN). Các quyết định mua bán và đầu tư của DNNN phải tuân theo các tín hiệu thị trường. WTO sẽ quy định chặt chẽ hơn về doanh nghiệp thương mại của nhà nước buộc các DNNN hoạt động trong môi trường hoàn toàn bình đẳng, cạnh tranh khốc liệt không chỉ với Doanh nghiệp tư nhân mà cả khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Các DNNN phải năng động, hoạt động hiệu quả hơn nếu không sẽ bị phá sản.

g) Sở hữu trí tuệ

Cam kết bảo hộ trí tuệ là một rào cản đáng kể đối với Việt Nam trong việc tiếp thu và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.

Doanh nghiệp nhà nước còn chưa nắm vững các thông luật quốc tế, các quy tắc về bảo hộ quyền sở hữu nên khi quan hệ thương mại với nước ngoài gặp nhiều bất lợi, thiệt thòi. Một số doanh nghiệp khi tham gia thị trường không đăng kí bản quyền quốc tế nên gặp thiệt thòi. Việt Nam cần ban hành, tăng cường các quy định, luật lệ về bảo hộ sở hữu, nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước khi hội nhập quốc tế.

h) Lao động

Sẽ có một bộ phận lao động giản đơn, trình độ thấp mất việc làm, sự phân hoá giàu nghèo, cạnh tranh gay gắt hơn, lực lượng lao động di cư, lao động phi chính quy ngày càng lớn.

i) Lệ thuộc kinh tế

Khi gia nhập WTO nền kinh tế nước ta ít nhiều bị chi phối của Mỹ, bất kỳ chuyển biến bất lợi nào xảy ra đối với nền kinh tế Hoa Kỳ đều dẫn đến hậu quả bất lợi cho các nền kinh tế Châu Á và Việt Nam cũng không thể tránh khỏi. Nếu chúng ta không khéo trong việc điều hành quản lý nền kinh tế trong hoàn cảnh mới này thì chúng ta rất dễ dàng lệ thuộc vào kinh tế nước ngoài, dẫn đến những nguy hại khôn lường.

1.2.3.3. Vai trò:

Từ những cơ hội và thách thức trên, khi Việt Nam gia nhập WTO phải có nguồn nhân lực phù hợp, chất lượng cao để phục vụ quá trình này. Nếu chúng ta tận dụng tốt nguồn nhân lực thì sẽ đối đầu với những thách thức và đón nhận được nhiều cơ hội mới trong hiện tại và tương lai. Vậy vai trò của nguồn nhân lực Việt Nam trong quá trình thực hiện hiệp định đa phương của WTO là gì?

-Tạo ra nguồn lực chuyên môn kỹ thuật cho các ngành nghề chịu sự tác động lớn của gia nhập WTO. Đó là các ngành nghề có tốc độ tăng trưởng nhanh hàng hoá và dịch vụ xuất nhập khẩu, tăng nhanh nhu cầu lao động kỹ năng. Theo chiến lược của Bộ Thương Mại, các ngành có tốc độ tăng trưởng Xuất Nhập Khẩu nhanh chóng trong các năm 2009-2015 thì nhu cầu nhân lực chuyên môn trong các ngành này cũng tăng nhanh cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

-Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn kỹ thuật thuộc các ngành nghề công nghiệp – du lịch mà khu vực FDI có sự phát triển mạnh sau khi gia nhập WTO, kể cả các ngành sản xuất kinh doanh cũng như dịch vụ hàng hoá.

-Đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ doanh nhân ngang tầm quốc tế, đảm bảo đội ngũ này được tính chuyên nghiệp kinh doanh, tính năng động hiệu quả trên thương trường, hiểu biết xây dựng thương hiệu và uy tín doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc luật và thông lệ kinh doanh quốc tế.

-Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu- kỹ thuật cho mục tiêu chiến lược xuất khẩu lao động trong bối cảnh thuận lợi tham gia của nước ta vào WTO trong đó cần nhanh chóng mở rộng thị trường lao động sang nhiều nước, đến

năm 2015 đưa trên 1 triệu người lao động đi làm việc ở nước ngoài, với tỷ lệ lao động có nghề chiếm 65%.

-Đối đầu với thách thức hiện tại và tương lai như : chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải cách hệ thống pháp luật, thuế, nâng cao chất lượng nông sản, nâng cao chất lượng đội ngũ lao động...

Việt Nam gia nhập WTO, trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới. Trong quá trình hội nhập, phát triển nền kinh tế quốc gia, vấn đề nguồn nhân lực và phương thức sử dụng nguồn nhân lực là điểm nút, cần có sự đột phá. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay là nhu cầu cấp bách, để tận dụng hiệu quả lợi thế lao động, tiếp tục tăng trưởng và tăng cường sức cạnh tranh quốc tế của sản phẩm và của doanh nghiệp. Điều này có ý nghĩa chiến lược, là khâu đột phá của quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hoá đất nước.

Vai trò của nguồn nhân lực trong các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn hiện nay được nhận thức là yếu tố năng động nhất.

Theo UNESCO con người đứng ở trung tâm của sự phát triển, là tác nhân và mục đích của sự phát triển.

Sự phát triển của con người là mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển.

Hội nhập nền kinh tế thế giới là chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Đòi hỏi cả nước phải ra sức phấn đấu để vượt qua tình trạng lạc hậu và đuổi kịp trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH NGUỒN NHÂN LỰC HUYỆN ĐỨC TRỌNG

2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN ĐỨC TRỌNG

Năm 1920, tỉnh Đồng Nai Thượng được tái lập gồm 3 quận: Djing, B' Lao và Dran-Fyan. Vùng đất của huyện Đức Trọng khi đó nằm trong địa giới tổng Bình Thạnh bao gồm từ Phi Nôm đến cầu Đại Ninh và mở rộng về phía tây, tây bắc tới vùng LaBa (Phú Sơn).

Tháng 5-1968, Chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia quận Dran thành 3 quận: Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương và quận Đức Trọng gồm 4 tổng: Ninh Thạnh, Sơn Bình, Đỉnh Tân, Mỹ Lệ; 12 xã: Tùng Nghĩa, Hiệp Thạnh, Phú Ninh, N' Thol Hạ, Đỉnh Văn, Phú Sơn, Lang Bian, Teurlang Tho, Teur Deung, Romène và Yenglé.

Về phía Cách mạng, do yêu cầu chỉ đạo kháng chiến chống Thực dân Pháp, tháng 9-1949, Ban Cán sự Đảng bộ tỉnh Lâm Viên xây dựng lực lượng tại vùng này, đặt tên khu vực này là Khu Chiến Đấu. Tháng 12-1950, theo Nghị định của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ sáp nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng, khu Chiến Đấu đổi tên thành huyện Chiến Đấu. Dân số thời kỳ này ước tính khoảng 10.000 người.

Tháng 9-1963, cơ quan Tỉnh ủy Tuyên Đức giải thể, một số xã phía bắc của huyện Đức Trọng được chuyển giao và được sự chỉ đạo của tỉnh Quảng Đức. Đến tháng 5-1965, tỉnh ủy Tuyên Đức thành lập lại, huyện Đức Trọng thuộc về tỉnh Tuyên Đức.

Năm 1976, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cùng với việc xóa bỏ cơ cấu hành chính cũ, huyện Đức Trọng lập thêm một số xã mới: Tân Hội (1976), Tân Văn, Phi Tô (1977). Tiếp đó, huyện Đức Trọng được tiếp nhận đồng bào thủ đô Hà Nội vào khu Lán Tranh và khu vực Nam Ban xây dựng

vùng kinh tế mới của Hà Nội tại tỉnh Lâm Đồng; sáp nhập ấp Bồng Lai, Bắc Hội của Thạnh Mỹ (Đơn Dương) vào xã Hiệp Thạnh. Xã Tùng Nghĩa được chuyển đổi thành thị trấn Liên Nghĩa và là trung tâm Huyện. Tháng 12-1978, huyện Đức Trọng tách các xã Ninh Loan chuyển về Đơn Dương và xã Đa M'rong chuyển về huyện Lạc Dương.

Tháng 10-1987, để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, thành lập thêm các đơn vị hành chính mới, huyện Đức Trọng đã tách các xã phía bắc để thành lập huyện Lâm Hà và tiếp nhận thêm 5 xã của huyện Đơn Dương và xã Ninh Gia của huyện Di Linh chuyển sang.

Như vậy, trải qua nhiều quá trình thay đổi, đến nay huyện Đức Trọng có 14 đơn vị hành chính, bao gồm : thị trấn Liên Nghĩa và 13 xã: Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, Phú Hội, Tân Hội, N'Thol Hạ, Bình Thạnh, Ninh Gia, Ninh Loan, Đà Loan, Tà Năng, Tà Hine, Tân Thành và một xã mới thành lập được ra mắt vào ngày 19/05/2009 là xã Đa Quyn.

2.1.1. Diện tích, vị trí, dân số, hành chính

Diện tích tự nhiên của huyện Đức Trọng là 902.2km² chỉ nhỏ hơn: Lâm Hà (1.587.6Km²), Bảo Lâm (1.456.1km²), Lạc Dương (1.513.8Km²), Di Linh (1.628.3 Km²). Huyện Đức Trọng nằm giữa của tỉnh Lâm Đồng, là một trong số 13 huyện, Thị, Thành của tỉnh Lâm Đồng, có địa giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp thành phố Đà Lạt
- Phía Đông giáp huyện Đơn Dương
- Phía Tây giáp huyện Lâm Hà
- Phía Nam giáp huyện Di Linh và huyện Bắc Bình (Bình Thuận)

Huyện có 14 đơn vị hành chính bao gồm 1 thị trấn (Liên Nghĩa) và 13 xã: Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, N'Thol Hạ, Bình Thạnh, Phú hội, Tân Hội, Tân Thành, Ninh Gia, Tà Năng, Tà Hine, Ninh Loan và có 01 xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là xã Hiệp Thạnh, có 06 xã đặc biệt khó khăn gồm: xã Tà Năng, Đà Loan, Ninh Loan, Tà Hine, Tân Thành, N'Thol Hạ.

Trung tâm huyện các thành phố Đà Lạt 26km về hướng nam. Nằm ở vị trí đầu mối giao thông đi Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh, Buôn Mê Thuật, Phan Rang nên Đức Trọng có điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu với bên ngoài, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hướng ngoại với cả 3 thế mạnh “ nông nghiệp – Lâm nghiệp – Công nghiệp & Dịch vụ ”

Đức Trọng là một trong những địa danh quen thuộc đối với trong nước và du khách nước ngoài. Những thác nước nổi tiếng như Liên Khương, Gougah, Pongour rất hấp dẫn đối với du khách. Hồ Nam Sơn được quy hoạch sẽ là điểm du lịch và hoạt động dịch vụ văn hoá – thể thao. Huyện có sân bay Liên Khương là cửa ngõ ra vào thành phố Đà Lạt bằng đường hàng không.

Dân số toàn huyện tính vào thời điểm 31/12/2007 là 170.383 người chiếm 9.23% diện tích và 14% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số 188 người/km² đứng thứ 3 sau thị xã Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt. Huyện có 27 dân tộc anh em cùng chung sống trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30% dân số toàn huyện, chủ yếu là dân tộc K ho, Chu ru, Châu Mạ, Tày, Nùng... Dân số thành thị là 45.539 chiếm 26,4% dân số toàn huyện.

Dân số theo đơn vị hành chính có đến 31/12/2007

Năm	2000	2004	2005	2006	2007
Tổng số	146453	162202	163632	166358	170383
Tt Liên Nghĩa	39478	42922	43660	44276	45234
Xã Hiệp An	8722	9745	9790	9737	10086
Xã Hiệp Thạnh	13783	15092	15165	15393	15624
Xã Liên Hiệp	9980	10842	10894	11057	11223
Xã Phú Hội	16033	17723	17828	18147	18438
Xã Tân Hội	10676	10758	10810	10972	11137
Xã Tân Thành	5270	5660	5687	5772	5859
Xã N'Thol Hạ	6588	7469	7534	6467	6775
Xã Bình Thạnh	6907	7495	7539	7659	7782
Xã Ninh Gia	9926	11746	11815	12028	12220
Xã Tà Hine	2454	3167	3198	3262	3327
Xã Ninh Loan	7626	9106	9159	9306	9455
Xã Tà Năng	5171	6181	6229	7683	8750

Nguồn: Phòng thống kê - Niên giám Thống kê dân số huyện Đức Trọng

2.1.2. Về khí hậu

Huyện Đức Trọng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng cao nguyên, nhưng do ở độ cao trên 900m nên khí hậu có những nét độc đáo (bảng 1), với những đặc trưng cơ bản sau:

+Nhiệt độ trung bình thấp, ôn hoà, biên độ giao động giữa ngày và đêm, nắng nhiều, độ ẩm không khí thấp.

+Lượng mưa khá điều hoà giữa các tháng trong mùa mưa, riêng tháng 8 lượng mưa giảm và có các đợt hạn ngắn nên khá thuận lợi cho thu hoạch vụ hè thu. Mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau tuy có dài hơn so với khu vực Bảo Lộc nhưng mức độ mất cân đối về độ ẩm ít gay gắt hơn và lượng tưới nước thấp hơn so với huyện Đơn Dương, Buôn Mê Thuột và các tỉnh miền Đông. Do có những nét đặc biệt khí hậu phân thành hai mùa mưa, nắng rõ rệt công thêm địa hình nhiều đồi núi từ đó sản xuất nông nghiệp trong năm chủ yếu vào mùa mưa.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Chỉ tiêu Tháng trong năm	Nhiệt độ trung bình (t ⁰ C)	Số giờ nắng (h)	Lượng mưa (mm)	Độ ẩm tương đối trung bình (%)
Tháng 1	19.1	87	2	74
Tháng 2	19.9	238	4	72
Tháng 3	21.7	215	95	76
Tháng 4	22.9	248	57	76
Tháng 5	22.7	178	162	80
Tháng 6	21.9	121	280	85
Tháng 7	22.1	193	61	83
Tháng 8	21.7	111	249	89
Tháng 9	22.0	174	377	86
Tháng 10	21.6	170	183	83
Tháng 11	19.9	190	84	78
Tháng 12	19.9	165	17	85
Cả năm	21.2	2.090	1.571	80

Nguồn: phòng thống kê huyện Đức Trọng

2.1.3.Đất đai và tài nguyên thiên nhiên huyện Đức Trọng

2.1.3.1.Tài nguyên đất:

Diện tích tự nhiên 90.160,5ha.

Theo thống kê năm 2004, toàn huyện có:

- Đất nông nghiệp : 30.809,63ha (chiếm 34,17% tổng diện tích);

- Đất lâm nghiệp: 44.868,07ha (chiếm 49,76% tổng diện tích);
- Đất chuyên dùng: 5.394,53ha (chiếm 5,98% tổng diện tích);
- Đất ở: 985,54ha (chiếm 1,09% tổng diện tích)
- Đất chưa sử dụng: 8.102,73ha (chiếm 8,99% tổng diện tích),

2.1.3.2. Chất lượng đất :

- Hầu hết diện tích đất có khả năng lâm nghiệp đều là đất hình thành trên đá Granit. Đất có phản ứng hơi chua, thành phần cơ giới nhẹ, nghèo dinh dưỡng lại có cấp độ dốc lớn, tầng đất mỏng. Đại bộ phận đất có khả năng nông nghiệp có độ phì khá (29% là đất phù sa và dốc tụ, 47% là đất Bazan, chỉ có 27% là đaxít và đá phiến) nhưng do đất dốc.

2.1.4. Tài nguyên nước:

2.1.4.1. Nước mặt:

Nguồn nước mặt chủ yếu của huyện là hệ thống sông Đa Nhim và hai nhánh Đa Tam, Đa Queyon. Mật độ sông suối khá dày (0,52-1,1km/km²), modul dòng chảy khá (trung bình dao động từ 23-28 lít/s/km²), kiệt nhất vào tháng 3. Nếu chỉ giữ 30% lượng nước trong mùa mưa thì có thể đủ nước tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp hiện có của Huyện. Địa hình ở đây cho phép xây dựng nhiều hồ chứa, nhưng việc sử dụng nước hồ cho tưới tự chảy lại bị hạn chế bởi mức độ chia cắt của địa hình.

2.1.4.2. Nước ngầm:

Nước ngầm trong phạm vi Huyện khá đa dạng, được chứa trong tất cả các loại đất, với trữ lượng và độ tinh khiết khác nhau:

+ Tầng chứa nước lỗ hổng:

Bề dày không quá 10m, nằm ở ven sông suối, lưu lượng từ 0,1-0,14 lít/s, thành phần hóa học thuộc kiểu Bicarbon nat Clorua, độ khoáng hoá từ 0,07-0,33g/lít.

+ Tầng chứa nước lỗ hổng khe nứt:

Nước ngầm ở tầng này trên đất bazan tương đối khá với bề dày chứa nước từ 10-100m, lưu lượng trung bình từ 0,1-1,0 lít/s, chủ yếu là nước không áp, thuộc loại nước nhạt (mức độ khoáng từ 0,01- 0,1g/lít, có thể sử dụng tốt cho sinh hoạt, khả năng khai thác cho sản xuất chỉ ở mức trung bình. Hiện nay đã được khai thác để tưới cho cà phê và rau màu với mức độ khá phổ biến.

2.2. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

2.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng:

Đức Trọng là một huyện miền núi có nền kinh tế xã hội còn chưa ổn định và mất cân đối, thị trường tiêu thụ nhiều loại nông sản bị xáo động, thu hẹp và

còn nhiều khó khăn do hậu quả của nền kinh tế quan liêu bao cấp để lại. Với quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân trong huyện cùng với sự tác động tích cực của nhiều chính sách đúng và hợp lòng dân của Đảng và Nhà nước đã giúp huyện từng bước khắc phục khó khăn, đạt được kết quả nhất định.

2.2.1.1. Thủy lợi:

Thủy lợi đã chú trọng, cho đến nay đã xây dựng được 21 hồ chứa nhỏ, 4 đập dâng, 4 trạm bơm, nhưng do nhiều yếu tố hạn chế (chất lượng thi công, duy tu, bảo dưỡng, tổ chức quản lý, địa hình chia cắt) nên diện tích tưới từ các công trình này mới đạt 1.789 ha (tỷ lệ đạt 5.81% diện tích), trong đó cho lúa 887ha, rau 553ha, cây công nghiệp 349ha, mới đáp ứng được một phần so với yêu cầu nước tưới theo hướng thâm canh, tăng vụ, tăng hiệu quả và thu nhập. Để phát triển sản xuất nhiều hộ đã sử dụng giếng đào, giếng khoan để bơm tưới cho rau, cà phê và đã có hàng ngàn giếng với trên 3000 máy bơm nhỏ.

2.2.1.2. Giao thông:

a) Đường do Tỉnh và Trung ương quản lý:

Có hai tuyến, tất cả đều là đường nhựa bao gồm: quốc lộ 20 chạy qua huyện dài 43km, quốc lộ 27 đoạn chạy qua huyện dài 15km.

b) Đường do huyện và xã quản lý:

Đường đô thị tập trung tại thị trấn Liên Nghĩa tổng chiều dài 47km.

Đường giao thông nông thôn có trên 400 tuyến với tổng chiều dài 1.200km.

Mạng giao thông ở Đức Trọng hết sức thuận lợi, 2 tuyến quốc lộ 20 và 27 chạy xuyên suốt hầu hết các xã trong huyện, là tuyến giao thông quan trọng nối liền Đức Trọng với các trung tâm kinh tế chính trị lớn như Đà Lạt, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.1.3. Mạng lưới điện:

Đến cuối năm 2004 mạng lưới điện quốc gia đã đưa điện về 13 xã và thị trấn Liên Nghĩa. Với 35.887 hộ dùng điện đạt tỷ lệ hộ sử dụng điện là 94%. Sản lượng điện tiêu thụ bình quân đầu người khoảng 52kwh, phần lớn cho thắp sáng và phục vụ cho sản xuất còn hạn chế.

2.2.1.4. Trường học:

Thực hiện nghị quyết TW2 về xã hội hoá giáo dục, với sự cố gắng vượt bậc trong vòng những năm qua huyện đã đầu tư xây dựng trường, lớp đáp ứng nhu cầu học tập của con em. Đến nay công tác phổ cập giáo dục cấp tiểu học đạt 10/14 xã, thị trấn; 13/14 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Tỷ lệ huy động học sinh trên địa bàn huyện đạt khá cao 266 học sinh đi học/1.000 dân, toàn huyện có 71 trường học với 10146 lớp học, 41 nhóm trẻ, 44.758 học sinh các cấp, 1.759 giáo viên các cấp.

Tuy nhiên, do sức của huyện còn hạn chế nên trong sự nghiệp giáo dục còn gặp không ít khó khăn như: trang thiết bị, học vụ, phòng thí nghiệm còn thiếu; thu nhập, đời sống của thầy, cô giáo tuy đã cải thiện một bước nhưng vẫn còn thấp và gặp nhiều khó khăn.

2.2.1.5. Bệnh viện- Bệnh xá:

Hiện nay, tất cả các xã trong huyện đều có trạm xá, quy mô bình quân mỗi trạm là 5 giường bệnh, 1 bệnh viện huyện có quy mô trên 100 giường bệnh. Các yếu kém trong xây dựng và phát triển mạng lưới y tế của huyện là mức độ hiện đại hoá còn rất thấp, thiếu các y cụ hiện đại và thuốc men, thiếu các thiết bị vận chuyển bệnh nhân lên tuyến huyện.

2.2.1.6. Chợ

Ngoài chợ Liên Nghĩa có quy mô lớn hiện đại hoá với hơn 2000 quầy sạp, 9 xã khác đã có chợ kiên cố như chợ Tân Hội, chợ Phi Nôm, chợ Bình Thạnh, chợ Đà Loan, còn 5 chợ chưa được kiên cố và 4 xã chưa có chợ.

2.2.1.7. Nhà ở nông thôn:

Do kinh tế mới phát triển trong thời gian ngắn, nguồn lực nông hộ còn hạn chế nên tỷ lệ nhà kiên cố còn thấp(14%), đa phần là nhà bán kiên cố(50%), nhà tạm vẫn chiếm tỷ lệ cao(36%). Các xã có tỷ lệ nhà tạm cao là Tà Hine, Tà Năng, Ninh Gia, Phú Hội, N'Thol Hạ.

2.3.TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN ĐỨC TRỌNG:

2.3.1.Về hoạt động kinh tế

2.3.1.1.Ngành nông- lâm nghiệp:

Trong lĩnh vực nông- lâm nghiệp của huyện đã có bước chuyển biến quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã chuyển dần sang sản xuất hàng hoá, từng bước hình thành vùng chuyên canh tập trung rau, hoa, quả ở các xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp và thị trấn Liên Nghĩa; Cà phê ở Phú Hội, Tân Hội, Tân Thành, Ninh Gia và các xã vùng Loan.

Tỷ trọng của ngành nông- lâm nghiệp là 45.1% giá trị sản phẩm trên địa bàn(GDP) và duy trì tốc độ tăng trưởng cao(13.2%). Sản xuất nông nghiệp từng bước gắn kết được với công nghiệp chế biến, góp phần thúc đẩy công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển. Cơ cấu cây trồng trên địa bàn có bước chuyển dịch mạnh mẽ, hình thành được một số vùng chuyên canh sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ phát triển công nghiệp chế biến.

2.3.1.1.1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất(theo giá hiện hành), ngành nông, lâm, thủy sản ước đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 1,63% so với năm 2007.

Giá trị sản xuất(giá so sánh 1994) ngành nông, lâm, thủy sản ước đạt 1.190 tỷ đồng, tăng 4,85% so với năm 2007.

a/ Trồng trọt:

-Diện tích các loại rau, hoa, dâu tằm, chè tăng nhanh tạo năng suất hiệu quả kinh tế cao. Diện tích gieo trồng trong năm 40.031ha/39.904,8ha tăng 3,4% so với năm 2007(38.719 ha). Giá trị sản lượng nông, lâm, thủy sản đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 1,63% so với năm 2007, ước tính giá trị sản xuất/1ha là 45 triệu đồng.

+ Tổng diện tích đất ruộng lúa của toàn huyện Đức Trọng là 4.921ha, trong đó sản xuất 1 vụ lúa là 3.987 ha và ruộng sản xuất 2 vụ lúa là 934 ha. Đến nay, tổng diện tích đất ruộng đã chuyển đổi sang cây trồng khác là 1.196ha/4.921ha, năm 2008 đã chuyển đổi diện tích lúa một vụ sang trồng hoa màu có giá trị kinh tế cao được 126ha/160ha

+ Chương trình nông nghiệp công nghệ cao: đến nay, trên địa bàn huyện có 502,44 ha rau, hoa sản xuất theo hướng công nghệ cao. Trong đó:

Diện tích tưới phun và phủ màng polimer :86ha

Diện tích sản xuất trong nhà kính, nhà lưới:94,44ha.

+ Với tổng số vốn được giao là 250.000.000 đồng, chương trình khuyến nông, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2008 được phân bổ từ ngân sách huyện đã triển khai thực hiện:

Sản xuất rau thương phẩm:10 mô hình

Sản xuất thử nghiệm rau xà lách xoong trên đất trồng lúa: 4 mô hình

Thâm canh lúa Đông xuân cho đồng bào dân tộc : 2 mô hình

Cây trồng chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	So Sánh (%)
DT lúa cả năm	ha	4.428	4.386	99,0
Sản lượng lúa	Tấn	18.333	15.395	83,97
DT bắp	ha	8.145	7.375	90,5
Sản lượng bắp	Tấn	35.407	35.085	99,09
DT cây ăn quả	Ha	398	488	122,6
Sản lượng quả	Tấn	11.108	7.375	63,39
DT tiêu	Ha	33	32	96,96
Sản lượng tiêu	Tấn	34	34	100
DT cà phê	Ha	10.961	12.040	109,84
Sản lượng cà phê	Tấn	21.918	26.280	119,9
DT chè	Ha	132	69	52,27
Sản lượng chè	Tấn	1.142	538	47,10
DT dâu tằm	Ha	928	861	92,78
Sản lượng dâu tằm	Tấn	9.264	8.880	95,85

Nguồn: Phòng thống kê-niên giám thống kê 2008; phòng nông nghiệp huyện Đức Trọng

b/Chăn nuôi:

Giá trị sản lượng ngành chăn nuôi năm 2008 ước đạt gần 361 tỷ đồng. Tình hình chăn nuôi tiếp tục phát triển, phục hồi đàn nhanh, do có sự chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh được kịp thời nên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được an toàn trên phạm vi toàn huyện. Tích cực và chủ động triển khai công tác tiêm phòng vac xin đối với gia cầm, thủy cầm, lở mồm long móng gia súc, dịch tai xanh trên đàn heo, tỷ lệ tiêm phòng đạt trên 92%, đến nay địa bàn huyện chưa xảy ra dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm

SỐ LƯỢNG MỘT SỐ VẬT NUÔI CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Hạng mục	ĐVT	2007	2008	So sánh(%)
	Đàn gia súc	<i>con</i>	100607	114874	114,1
1	Tổng đàn trâu	“	4791	5000	104,3
2	Tổng đàn bò	“	9000	10000	111,1
	Trong đó:bò sữa	“	90	160	177,7
3	Đàn dê	“		200	
4	tổng đàn heo	“	85000	99674	117,2
5	Gia súc khác	“	1856	2500	134,6
	Đàn gia cầm	“	600000	785000	130,8
	Thủy sản				
1	Nuôi cá hồ nhỏ	<i>Ha</i>	207	214,4	103,5
2	Hồ Đại Ninh	<i>ha</i>		2032	

Nguồn: Phòng thống kê

-Đàn gia súc: Toàn huyện năm 2008 là 114874 con tăng 14267 con, chiếm 3,9%, xu hướng phát triển tăng đàn trâu bò. Lý do tăng là vật nuôi ít bệnh tật, thức ăn không phụ thuộc vào lương thực, kỹ thuật chăm sóc đơn giản và được phát triển mạnh tại một số xã có đồng cỏ như các xã vùng Loạn.

- Đàn heo: Quy mô tương đối lớn, cao hơn mức trung bình của tỉnh. Đến nay trên địa bàn huyện hình thành nhiều cơ sở chăn nuôi heo thương phẩm cả ngàn con/hộ.

- Đàn gia cầm: Số lượng hiện nay tương đối ổn định phần nào đã phát huy ưu thế về nguồn thức ăn tự nhiên dồi dào và vườn rộng của dân.

Nhìn chung chăn nuôi đã góp phần quan trọng tăng nguồn thu nhập cho nông hộ, có xu thế phát triển khá ổn định và có tiềm năng lớn nhất là chăn nuôi bò, dê và heo thương phẩm.

c/Lâm nghiệp

Toàn huyện có trên 45.006,26ha diện tích rừng và đất rừng đã được các tổ chức, cá nhân quản lý gồm:

- Các tổ chức kinh tế :12.367,08ha
- UBND các xã :159,63ha
- Các tổ chức khác :33133,55ha

Những năm qua huyện Đức Trọng đã thực hiện có hiệu quả các giải pháp lâm sinh như khai thác, khoanh nuôi trồng mới và bảo vệ rừng đã làm tăng diện tích rừng từ 36.040 ha năm 1995 lên 44.868,07ha năm 2004 và 45550ha năm 2008, tăng độ che phủ rừng từ 39,95% lên 49,9%.

Hạng mục	2007		2008		So sánh (%)
	Diện Tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
Tổng cộng	44868	100	45550	100	101,5
Rừng tự nhiên	39128	87,2	35785	78,6	91,4
Rừng sản xuất	14629		1037		7,08
Rừng phòng hộ	24499		34748		141,8
Rừng trồng	5740	12,8	9766	21,4	170,1
Rừng sản xuất	3771		7797		206,7
Rừng phòng hộ	1969		1969		100

Nguồn: Phòng thống kê

Việc thực hiện chương trình 327, 611 đã có những chuyển biến tích cực lâm nghiệp của huyện chuyển dần từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội, thu hút các thành phần kinh tế, các tổ chức các cá nhân tham gia bảo vệ rừng.

Nhìn chung, trong những năm qua ngành lâm nghiệp đã có sự phát triển đáng kể, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, sự phát triển còn gặp nhiều khó khăn và thách thức; việc đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế, đội ngũ cán bộ kiểm lâm, khoa học kỹ thuật còn mỏng... do vậy trong những năm tới cần thiết phải có những chính sách thích hợp để khai thác và bảo vệ có hiệu quả tiềm năng lâm nghiệp địa phương

2.3.1.2. Thương mại-Dịch vụ- Giá cả:

a)Thương mại-dịch vụ

Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ ước cả năm thực hiện đạt 1.190,5 tỷ đồng tăng 37.6% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng: ngoài yếu tố số lượng công ty, doanh nghiệp mới thành lập, chuyển đến hoặc mở thêm chi nhánh trong năm 2008, do còn sự tăng trưởng của các công ty cũ. Giá trị ngành thương mại- dịch vụ thực hiện đạt 840 tỷ đồng, tăng 28,8% so với cùng kỳ năm ngoái.. Trong đó:

- Khối kinh tế nhà nước 245 tỷ đồng
- Khối kinh tế ngoài quốc doanh 405 tỷ đồng
- Khối kinh tế có vốn nước ngoài 190 tỷ đồng

Giá trị ngành thương mại - dịch vụ ước thực hiện đạt 840 tỷ đồng, tăng 28,8% so với cùng kỳ 2007

Số hộ kinh doanh buôn bán và dịch vụ như nhà hàng ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ...tăng khá nhanh. Hiện toàn huyện có 5.098 hộ. Tăng 1.354 hộ so với năm 2005; Hiện nay có 7.319 lao động tham gia hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, tăng 1.711 lao động so với năm 2005.

- Các dịch vụ: tín dụng, bảo hiểm bưu chính viễn thông, giao thông vận tải ... hoạt động năng động và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Trong đó:

+ Trên địa bàn huyện có 5 ngân hàng thương mại, 6 quỹ tín dụng và chi nhánh quỹ tín dụng nhân dân; các ngân hàng và quỹ tín dụng hoạt động năng động và đạt hiệu quả cao, đồng thời mở các chi nhánh đến các địa bàn cơ sở, phục vụ tích cực cho nhân dân, doanh nghiệp vay vốn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tạo điều kiện phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

+ Dịch vụ bảo hiểm phát triển mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu hạn chế rủi ro cho con người và tài sản của nhân dân. Huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

+ Dịch vụ vận tải tăng nhanh về số lượng, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông hàng hóa và đời sống của nhân dân; bình quân hàng năm vận tải 350 ngàn tấn hàng hóa (năm 2007 là 380 ngàn tấn hàng hóa, tăng 75 ngàn tấn hàng hóa so với năm 2005), luân chuyển 80 triệu tấn/km và gần 39 ngàn lượt khách (luân chuyển 43,54 triệu lượt khách/km, tăng 13,33 triệu lượt khách/km so với năm 2005).

+ Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh và sử dụng công nghệ hiện đại, đến nay hệ thống bưu điện, bưu cục, điện thoại, trạm phát sóng đã phủ kín trên địa bàn huyện, đến tận vùng sâu vùng xa đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

- Lĩnh vực du lịch từng bước phát triển và được xem là một trong những ngành kinh tế trọng tâm của địa phương; trên địa bàn huyện có 03 thác (Gougah, Ponguar, Bảo Đại), làng nghề dệt thổ cẩm K'Long... đã được các nhà đầu tư cải tạo, nâng cấp và khai thác du lịch có hiệu quả. Bên cạnh đó, có nhiều khu vực có cảnh quan đẹp đã thu hút được khá đông khách du lịch như chùa Đại Ninh, hồ thủy điện đại Ninh, thác Liên Khương... hệ thống khách sạn, nhà nghỉ tương đối nhiều, đáp ứng nhu cầu của du khách, hiện nay trên địa bàn huyện có 9 khách sạn và 6 nhà nghỉ. Lượng khách du lịch đến với Đức Trọng tăng tương đối nhanh từ 157.000 lượt khách năm 2006 lên 170.000 lượt khách năm 2007, 2008 thu hút khoảng 410.000 lượt khách.

*** Giá cả:**

Tại huyện Đức Trọng:

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 tăng 0,12% so với tháng trước. Mức tăng cao nhất trong tháng là nhóm vật liệu xây dựng, vàng, xăng dầu, thực phẩm...

Trong năm tình hình thị trường có nhiều biến động, giá cả thị trường tăng cao 20-40% vào những tháng đầu năm và giảm từ 10-30% vào những tháng cuối năm, đặc biệt là các mặt hàng vật liệu xây dựng, xăng dầu, vàng, phân bón, thực phẩm.... Tổng mức luân chuyển hàng hóa trên thị trường ước đạt 1.550 tỷ đồng.

	2006	2007	2008
1. Chỉ số giá tiêu dùng	109,28	108,77	106,45
An uống và dịch vụ ăn uống	112,55	113,68	107,81
Trong đó : Lương thực	112,87	113,68	107,81
Thực phẩm	111,29	115,91	108,59

Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,30	102,61	115,09
Nhà ở, điện, nước, VLXD	101,2	104,5	105,32
Giáo dục	107,3	102,61	101,69
2. Chỉ số vàng	112,14	115,56	116,43
3. Chỉ số USD	101,17	100,18	101,98

Nguồn: Phòng thống kê

b. Sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp năm 2008 đạt 732 tỷ đồng, tăng 30,9% so với năm 2007. Trong đó:

- Giá trị sản xuất của doanh nghiệp nhà nước: 208 tỷ đồng
- Giá trị sản xuất của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh: 348 tỷ đồng
- Giá trị sản xuất của DN có vốn đầu tư nước ngoài: 167 tỷ đồng

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu như: sản xuất chế biến nông lâm sản, thực phẩm, phân bón, cấu kiện bê tông đúc sẵn... vẫn giữ được giá trị sản xuất cao trong điều kiện thị trường gặp nhiều biến động.

Hiện nay, toàn huyện có:

- Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: 37 DN

lộ 20, đường cao tốc Liên Khương – Frenn. Sân bay Liên Khương, giao thông hạ tầng lộ 90, lộ Thanh Thanh, hệ thống đường liên xã, liên thôn ...

UBND huyện cấp 600 giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. Ngoài ra UBND huyện đã phân cấp cho UBND các xã cấp từ năm 2007 đến nay 117 giấy phép xây dựng nhà ở. So sánh với năm 2005 thì số giấy phép năm 2006 tăng 6%, năm 2007 tăng 15%, năm 2008 tăng 20% so với cùng kỳ.

* Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008 đạt 432,58 tỷ đồng, đạt 65,66% kế hoạch năm và bằng 79,18% năm 2007. Trong đó đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước 121,88 tỷ đồng; xây dựng trong nhân dân khoảng 160,12 tỷ đồng, XDCB trong doanh nghiệp khoảng 150 tỷ đồng. Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008 giảm do trong năm 2007 là do các công trình trọng điểm của Trung ương giảm (đã hoàn thành đường cao tốc Liên Khương – Đà Lạt, hồ thủy điện Đại Ninh đã hoàn thành) ; bên cạnh đó giá vật liệu xây dựng tăng cao nên các tổ chức và nhân dân hạn chế xây dựng nhà ở và công trình.

2.3.1.3. Xuất nhập khẩu:

Giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu tăng đều qua các năm. Trong 4 năm 2005, 2006, 2007, 2008, thì năm 2007 là tăng cao nhất 2,8 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nông sản, cà phê, rau, hoa các loại

- Năm 2005 là 5,0 triệu USD

- Năm 2006 là 6,0 triệu USD

- Năm 2007 là 8,8 triệu USD

- Năm 2008 là 10 triệu USD

Huyện Đức Trọng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng hoá chất, tân dược, phân bón, nông cụ sản xuất nông nghiệp.

2.3.1.4. Thu chi ngân sách nhà nước

Cả năm 2008 tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn huyện 206 tỷ đồng, đạt 135% dự toán được giao so với năm 2007 tăng 6,73%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quản lý ước thực hiện 183 tỷ đồng giảm 5,55% so với năm 2007. Tình hình thu ngân sách như sau: 6 tháng đầu năm số thu đều cao hơn cùng kỳ, riêng 4 tháng 7, 8, 9, 10 có số thu thấp hơn cùng kỳ năm trước; tháng 11 và tháng 12 có số thu cao hơn tháng 11, tháng 12 năm trước.

Tổng chi ngân sách địa phương 195 tỷ đồng đạt 128% dự toán được giao. Chủ yếu chi cho các chương trình, hạng mục trọng điểm của huyện như: mở rộng nâng cấp sân bay Liên Khương, các dự án đầu tư xây dựng nâng cấp

cơ sở hạ tầng. Các nội dung chi xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp kinh tế trong dự toán đã được giải quyết kịp thời.

2.3.1.5. Công tác cấp phép xây dựng sửa chữa nhà cửa.

UBND huyện thông báo phân cấp quản lý cấp GPXD nhà ở tư nhân cho các xã, đến nay các xã đã cấp 126 giấy phép.

2.3.2. Tình hình nguồn nhân lực

2.3.2.1. Dân số, lao động trên toàn huyện:

So với các huyện miền núi dân số huyện Đức Trọng thuộc loại khá đông và mật độ dân số khá cao. GDP bình quân đầu người đạt 11,5 triệu đồng/năm (theo số liệu năm 2008).

TỔNG HỢP DÂN SỐ, LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC TRỌNG

(Thời điểm tính đến ngày 30/12/2008)

Số tt	Tên xã, TT	Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Tổng số lao động trong độ tuổi		
				Nam	Nữ	Tổng số
01	Hiệp An	2.040	10.600	3.288	3.225	6.413
02	Hiệp Thạnh	3.420	15.859	4.287	4.349	8.636
03	Liên Hiệp	2.402	11.147	3.221	3.108	6.329
04	N'Thol Hạ	1.528	8.234	2.123	2.213	4.336
05	Bình Thạnh	1.609	8.253	2.069	2.259	4.328
06	Liên Nghĩa	9.683	46.350	1.239	12.732	24.771
07	Phú Hội	3.657	18.978	5.099	5.189	10.288
08	Tân Hội	2.443	11.221	1.798	1.876	3.674
09	Tân Thành	1.299	6.203	1.650	1.728	3.673
10	Ninh Gia	2.645	11.440	3.019	3.161	6.180
11	Tà Hine	684	3.110	885	919	1.804
12	Ninh Loan	1.065	4.096	1.127	1.197	2.324
13	Đà Loan	2.143	9.336	2.533	2.723	5.723
14	Tà Năng	1.255	7.300	1.934	2.093	4.027
Tổng cộng		35.887	170.383	42.526	46.772	89.298

Nguồn: phòng thống kê; phòng Lao động, Thương binh và xã hội.
Toàn huyện tính đến 30/12/2008 có:

Tổng số hộ: 35.887 hộ

Tổng nhân khẩu: 170.383 khẩu

Tổng số lao động trong độ tuổi là: 89.298 lao động chiếm 52,41%

Tổng số lao động có khả năng tham gia vào nền kinh tế là: 78.609 lao động, trong đó số lao động thành thị trong độ tuổi là: 23.707 lao động chiếm 26,5% lao động trong độ tuổi của huyện.

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động(người)	Tỷ lệ(%)
Nông-lâm-ngư nghiệp	62.508	70
Công nghiệp- Xây dựng	8.036	9
Dịch vụ- du lịch	9.823	11
Các ngành khác	8.931	10

Nguồn: Phòng thống kê

2.3.2.2. Công tác lao động, thương binh, xã hội:

Trong các năm qua, các mặt công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, dạy nghề, chính sách, xã hội được thực hiện xuyên suốt, bắt kịp với chủ trương chính sách của nhà nước liên quan đến lĩnh vực này, cụ thể như sau:

* Lao động, tiền lương, giải quyết việc làm:

Cả năm 2008, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện Đức Trọng đã giải quyết việc làm cho 2.981 lao động giảm gần một nửa so với năm 2007(giải quyết được 4.863 lao động) trong đó xuất khẩu lao động 22 người, đào tạo nghề cho 852 người(có 107 là thanh niên dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên).

Lý do giảm vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, một bộ phận lớn người lao động không được giải quyết việc làm nhất là xuất khẩu lao động sang các nước như Malaysia, Hàn Quốc đã bị đình chỉ.

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	So sánh (%)
A	1	2	3=2/1
Số người tìm được việc làm:	4.863	2.981	61,3
Trong đó: - Số người có việc làm ổn định	4.863	2.981	61,3
- Được tuyển vào khu vực nhà nước	0	0	0
- Được tuyển vào các cơ sở SX,DNTN	4.863	2.981	63,1
Số người chứng đơn xin việc có đến kỳ B/C:	2.566	1036	40,4

Trong đó: -Nữ	1.230	590	47,9
- Bộ đội hoàn thành nghĩa vụ trở về	580	258	44,5
-Học sinh trong tuổi lao động thôi học	356	213	59,8
- Người có nghề nghiệp chuyên môn	605	581	96,0

Chất lượng lao động trên địa bàn huyện:

Số tt	Tiêu chí	Số lao động	Tỷ lệ%
01	Trình độ cao đẳng- Đại học	4.256	5,41
02	Trình độ sơ cấp – Trung cấp	6.867	8,73
03	Thợ có nghề	2.895	3,68
04	Lao động phổ thông	64.591	82,18
	Tổng cộng	78.609	100.00

Nguồn: Phòng thống kê; phòng lao động, Thương binh và Xã hội

* Công tác đối với người có công:

Chi trả chế độ chính sách hàng tháng cho 907 đối tượng chính sách và người có công, với 705.083.000 đồng, đảm bảo kịp thời đúng đối tượng, đúng quy định của nhà nước.

Trong tháng 4/2008, đã hoàn thành thủ tục hồ sơ chuyển Sở Lao động thương binh & Xã hội tỉnh Lâm Đồng gồm:

- +13 hồ sơ được tặng thưởng huân chương kháng chiến là nhân dân
- +16 hồ sơ tặng thưởng Huy, Huân chương kháng chiến là cán bộ
- +04 hồ sơ tù đầy
- +02 hồ sơ mai táng phí
- +01 hồ sơ có công cách mạng đã được tặng thưởng Huy chương kháng chiến đề nghị hưởng trợ cấp hàng tháng.
- +Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho 01 đối tượng ở xã Hiệp Thạnh

+ 08 trường hợp bổ sung hồ sơ 290 và 15 hồ sơ 290 mới

*** Công tác bảo trợ xã hội- phòng chống tệ nạn xã hội- ma tuý**

- Trợ cấp theo nghị định 07/CP: 978 người với tổng số tiền là :126.250 triệu đồng.

-Trợ cấp đột xuất cho 3 trường hợp với tổng số tiền là 9 triệu đồng

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, phối hợp tổ chức kiểm tra trên địa bàn vào trung tâm bảo trợ xã hội trong tháng gồm 35 người sống lang thang, ăn xin trong đó:

+Trẻ em sống lang thang:12 em

+Người già sống lang thang:9 người

+Người còn sức lao động:9 người

+Người bị tâm thần:2 người

+Đối tượng ma tuý: 3 người

- Tiếp nhận 15 học viên cai nghiện tại các Trung tâm được về gia đình, nâng tổng số 95 người được phục gia.

***Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em:**

- Phối hợp với Làng SOS Đà Lạt phát tiền trợ cấp cộng đồng quý I năm 2009 cho 46 em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí 34.500.000 đồng.

-Cấp phát 1739 thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn huyện.

***Chương trình xoá đói, giảm nghèo.**

Tính đến nay toàn huyện có 2275 hộ nghèo chiếm 6,47%, giảm 541 hộ(23,8%), trong đó hộ nghèo là dân tộc thiểu số là 1.483 hộ, chiếm tỷ lệ 16,20%, giảm 485 hộ(32,7%).

Thực hiện quyết định 167/2008/QĐ-TTg về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, phòng Lao động thương binh –xã hội đã phối hợp với các xã, thị trấn rà soát và lập danh sách 460 hộ nghèo được hỗ trợ nhà và vay vốn lãi suất thấp.

Hỗ trợ cho 14 dự án vay vốn thuộc nguồn vốn 120 với số tiền 1,7 tỷ đồng, hiện nay trên toàn huyện không còn hộ đói. Các chương trình xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động được thực hiện tích cực và có hiệu quả. Do đó, tỉ lệ hộ nghèo giảm 12,5% xuống 7,43%, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 6,5 triệu đồng/ người/năm(2005) lên 10tr đồng/năm(2007) và 11,2 tr đồng/năm(2008). Đến nay, huyện Đức Trọng đã cơ bản hoàn thành công tác xoá nhà tạm bợ, dột nát trong nhân dân.

***Công tác tín ngưỡng tôn giáo:**

Tổ chức cho 72 chức sắc, tín đồ các tôn giáo và 40 cán bộ xã, huyện tham gia học tập bồi dưỡng chính sách tôn giáo, phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể huyện tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các cơ sở tôn giáo, tín đồ tôn giáo khó khăn, neo đơn nhân kỷ niệm các ngày lễ:

+Phật đản Vesak 2008

+Lễ Vu Lan

+Lễ Phục Sinh

....

-Hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tôn giáo trên địa bàn huyện tổ chức các ngày lễ theo đúng quy định, hướng dẫn các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng, sửa chữa, tôn tạo nơi thờ tự của các tổ chức tôn giáo; đã kịp thời ngăn chặn sự hình thành và hoạt động của các tổ chức tôn giáo trái phép, xử lý các tin đồn thất thiệt ở một số vùng công giáo trên địa bàn huyện.

2.3.2.3..Hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao:Quản lý dịch vụ internet

Hiện nay trên địa bàn huyện có 275 cơ sở kinh doanh dịch vụ internet. Đây là loại hình văn hoá có chiều hướng phát triển. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, internet được tăng cường có hiệu quả; các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hoá, internet hoạt động nề nếp, ổn định, không xảy ra các vụ vi phạm lớn. Do Huyện đã phối hợp với nhà cung cấp phổ biến các văn bản quy định của pháp luật đến các chủ đại lý internet và thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành 178.

Quản lý hoạt động Karaoke, vũ trường:

Tính đến tháng 12/2008 trên địa bàn huyện có 126 điểm kinh doanh Karaoke và 2 điểm kinh doanh vũ trường. Trong năm, Đoàn kiểm tra 178 tiến hành kiểm tra và đề xuất UBND huyện ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính 10 trường hợp vi phạm với tổng số tiền phạt: 56.740 triệu đồng.

Đoàn kiểm tra liên ngành 178 và UBND huyện Đức Trọng đã tổ chức kiểm tra các tụ điểm sinh hoạt nói trên, kịp thời chấn chỉnh các hành vi sai quy định của loại hình này như: âm thanh ồn ào vượt mức quy định, để người say rượu lên sân khấu hát sai lời, hát nhạc cấm hoặc chưa được phép lưu hành. Trong năm 2008 đã đề xuất xử lý 16 trường hợp vi phạm.

Lĩnh vực văn hoá- thể thao, thông tin-truyền thông, du lịch:

Toàn huyện có 01 trung tâm văn hoá thể thao, 01 khu liên hợp thể thao quần vợt và 01 công viên văn hoá.

Các lĩnh vực hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được quan tâm, đáp ứng nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân; tập trung công tác tuyên truyền, cổ động, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước; công tác truyền thanh- truyền hình được duy trì, chú trọng về chất lượng, phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức thông tin, tuyên truyền.

Xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2009-2010. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát các tuyến đường và khu dân cư ngầm hoá cáp viễn thông năm 2010 và định hướng đến năm 2020; khảo sát và lập phương án lắp đặt các trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến.

Phối hợp với Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch thẩm định và phân hạng cơ sở lưu trú đối với một số khách sạn, đồng thời tiến hành khảo sát các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch trên địa bàn huyện.

Cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá tiếp tục được triển khai thực hiện góp phần gìn giữ nét đẹp truyền thống của dân tộc, mang lại những kết quả thiết thực đối với đời sống của nhân dân, qua đó đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Trong năm có:

+ 04 thôn tại 02 xã Liên Hiệp và N'Thôn Hạ được tỉnh và huyện công nhận đạt chuẩn văn hoá là thôn văn hoá (An Tĩnh, An Bình, An Ninh và Đoàn Kết)

+ Bình xét và công nhận gia đình văn hoá cho 22.399 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá năm 2007 (đạt 66%)

+ Bình xét và công nhận cơ quan văn hoá cho 95/129 cơ quan, đơn vị, trường học đạt chuẩn văn hoá (73,6%).

Số lượt khách du lịch đến Đức Trọng ước khoảng 175 ngàn lượt, tăng 7% so với năm 2007.

2.3.2.4. Hoạt động Giáo dục đào tạo, dạy nghề:

Trong năm học 2007-2008, Ngành Giáo dục huyện Đức Trọng đã tiếp tục duy trì công tác xã hội hoá, đa dạng hoá các loại hình giáo dục đào tạo, tỷ lệ duy trì sĩ số của các bậc học đạt khá kể cả học sinh đồng bào dân tộc thiểu số; tỷ lệ thi tốt nghiệp đạt khá cao so với mặt bằng chung bậc phổ cập tiểu học đạt 99,8% (toàn tỉnh đạt 98,5%), trung học cơ sở đạt 98,4% (toàn tỉnh đạt 95,2%),

trung học phổ thông đạt 92,2%(toàn tỉnh 82,2%), bổ túc văn hoá đạt 50%(toàn tỉnh là 27,5%). Triển khai thi đua chủ đề năm học mới “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới quản lý tài chính và triển khai phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực).

Tiếp tục phát triển, mở rộng qui mô cơ sở vật chất, kiên cố hoá trường lớp, nhà công vụ phục vụ tốt cho công tác dạy và học tại địa phương như các công trình: xây dựng nhà vệ sinh cho 10 trường học, xây dựng các phòng học trường THCS Trần Phú, Lê Hồng Phong, Quảng Hiệp, THPT Chu Văn An, nhà công vụ trường mẫu giáo Đà Loan, Tà Hine, Tà Năng...

BÁO CÁO ĐẦU NĂM HỌC 2008-2009

(có tính đến 30/9/2008)

1/ Giáo dục mầm non.

S TT		ĐVT	Tổng số	Công lập	Bán công	Tư thực
1	Trường học	Trường	28	9	10	9
	-Trường Mầm non	“	9	0	4	5
	-Trường Mẫu giáo	“	19	9	6	4
2	Lớp học	Lớp	230	63	84	83
	-Hệ mầm non	“	59	1	6	52
	-Hệ Mẫu giáo	“	171	62	78	31
3	Phòng học	Phòng	177	111	166	107
4	Giáo viên trực tiếp dạy	Người	390	78	146	166
	-Hệ mầm non	“	118	2	12	104
	-Hệ mẫu giáo	“	272	76	134	62
5	Học sinh	Người	5619	1889	2730	1000
	-Hệ mầm non	“	811	26	135	650
	-Hệ mẫu giáo	“	4808	1863	2595	350

2/Giáo dục phổ thông.

(Năm học 2007-2008 và năm học 2008-2009)

Stt		Đvt	Năm học	Năm học	So
-----	--	-----	---------	---------	----

			07-08	08-09	sánh
1	Trường học	Trường	50	50	0
	-cấp 1-Tiểu học	“	32	32	0
	-Cấp 2-Trung học cơ sở	“	18	18	0
2	Lớp học	Lớp	842	841	-1
	-tiểu học	“	542	538	-4
	-Trung học cơ sở	“	300	303	3
3	Giáo viên trực tiếp dạy	Người	1215	1247	32
	-Tiểu học	“	646	669	23
	-Trung học cơ sở	“	569	578	9
4	Học sinh	Người	28267	28589	322
	-Tiểu học	“	16851	16828	-23
	-Trung học cơ sở	“	11416	11761	345
5	Phòng	Phòng	610	627	17
	- Tiểu học	“	425	422	-3
	-Trung học cơ sở	“	185	205	20

Nguồn: Phòng thống kê; phòng Giáo dục và Đào tạo

Phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những chương trình phát triển kinh tế- xã hội trọng điểm của địa phương. Đây cũng là nhân tố quan trọng tạo sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư phát triển kinh tế bởi chất lượng nguồn nhân lực có tác động trực tiếp đến hiệu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đến nay, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của Đức Trọng có đến 99,5% đạt chuẩn và trên chuẩn; tỷ lệ huy động học sinh ra vào lớp và duy trì sĩ số có những chuyển biến đáng kể; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở các bậc học cao hơn mặt bằng của tỉnh và cả nước:

-Bình quân tiểu học đạt : 99%

-Bình quân THCS đạt :97%

-Bình quân THPT đạt : 90%

Đến nay, Đức Trọng có 20 trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I và thường xuyên duy trì, củng cố kết quả phổ cập THCS. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư. Sau 3 năm, đã đầu tư trên 170 tỷ đồng:

-Xây dựng : 194 phòng học

-Sửa chữa, nâng cấp :21 phòng học

-Xây dựng :01 trường mầm non

-Xây dựng :2 trường THCS

-Xây dựng: :02 trường trung học kỹ thuật và đào tạo lái xe

Theo truyền thống Ngành giáo dục, nhân dịp ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, các trường học trong huyện đều tổ chức hội diễn văn nghệ chào mừng như:Hội thi văn nghệ “Tri Ân” của trường Lê Hồng Phong, hội diễn “Nhớ Ông Thầy cô” của trường Trần Phú....

Các đơn vị trường học trong toàn huyện đã lên kế hoạch tổ chức các hội thi, hội diễn sôi nổi, thiết thực, thu hút đông đảo các học sinh tham gia với nhiều tiết mục và thể loại khác nhau như: đơn ca, song ca, tam ca, tốp ca, múa, độc tấu Piano, Organ... Đặc sắc nhằm bày tỏ lòng biết ơn của mình đến thầy cô. Cùng với đó là các trường học phát động tuần thi đua “ điểm Mười dâng thầy” ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ từ các em học sinh.

2.3.2.5.Dạy nghề

Dưới sự chỉ đạo của Huyện Ủy, HĐND huyện, UBND huyện đã triển khai chương trình giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện bằng nhiều hình thức.

Sau hơn 10 năm hoạt động Trung Tâm Dạy nghề huyện đã đào tạo hơn 25.000 học viên, học sinh với các ngành nghề như: kỹ thuật, điện cơ, điện tử, điện lạnh, cơ khí, thợ máy, thợ may.....; kết hợp với Trung Tâm Cai nghiện 05-06 đào tạo dạy nghề, giải quyết việc làm cho học viên cai nghiện.

Trong những năm qua thực hiện Nghị quyết 50 của UBND tỉnh, đã hỗ trợ tiền học nghề cho trên 500 đối tượng với số tiền trên triệu đồng, với các hình thức đào tạo nghề tập trung dài hạn, ngắn hạn và kèm cặp nghề.Phòng Lao động TBXH phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều lớp học nghề cho lao động của huyện với các ngành nghề thiết thực phù hợp với đòi hỏi, yêu cầu phát triển của địa phương và của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện nhằm tận dụng thế mạnh để phát triển. Kinh phí hỗ trợ cho việc dạy nghề là 146.700.000đ.

Báo cáo tình hình dạy nghề năm 2008

Nghề đào tạo	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Hiện diện
Sinh vật cảnh	50	25	30
Sửa xe máy- máy nổ	160	120	140
May CN-DD	200	134	156

Móc len	140	80	90
Xây dựng dân dụng	70	40	58
Thú y	90	40	50

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và xã hội

2.3.2.6. Hoạt động Y tế.

Bảo đảm công tác khám chữa bệnh, cấp cứu kịp thời, thường xuyên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã tiếp tục được tăng cường theo chiều hướng từng bước hiện đại ; 14/14 xã, thị trấn đạt chuan quốc gia về y tế, đã xoá được

Xã chưa đạt được chuan so với năm 2007. Công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản, nâng cao chất lượng dân số được chú trọng thực hiện. Do có sự thay đổi trong công tác tổ chức và quản lý của cơ quan dân số gia đình và trẻ em.

Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn cúm A H5N1 lây nhiễm sang người, chú trọng công tác quản lý vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo đời sống, sức khoẻ của nhân dân. Triển khai và hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai mô hình các giải pháp can thiệp phòng chống bạo lực gia đình, phạm pháp trong học đường. Tổ chức tập huấn các chương trình quốc gia phòng chống lao, tâm thần.

Y tế dự phòng:

1. Tiêm chủng

- Tổng số trẻ chỉ tiêu: 2500

- Tổng số trẻ quản lý: 2160

- Tổng số trẻ tiêm đủ 6 loại vacxin: 1759

2. Tình hình dịch bệnh xảy ra trong năm 2008:

- Sốt xuất huyết: 125

- Nhiễm siêu vi: 79

- Nhiễm trùng huyết: 0

- Thủy đậu: 36

- Ly : 3

- Uốn ván: 12

- Tay chân miệng: 16

- Quai bị: 2

- Viêm não: 5

3. HIV tính đến tháng 12/2008

-Số HIV còn đang quản lý:45

-Số bệnh nhân AIDS được chăm sóc trong cộng đồng:135

-Số bệnh nhân AIDS được chăm sóc tại bệnh viện:5

4.Bệnh xã hội:

-Bệnh lao:124 đang được điều trị

-Bệnh Tâm thần:437 bệnh nhân đang được điều trị thường xuyên

5.Công tác khám và điều trị bệnh:

-Số người đến khám bệnh :123.655

-Số lần khám bệnh:134.222

-Số lần khám và điều trị:21.132(trẻ em dưới 6 tuổi)

2.3.3. Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đức Trọng hiện nay:

***Ưu điểm:**

-Lao động trẻ, số người trong độ tuổi lao động lớn chiếm 52,4% dân số toàn huyện. Đây là một lợi thế để phát triển.

-Có khả năng thích ứng cao khi tham gia các hoạt động sản xuất, phẩm chất cần cù, năng động, sáng tạo, chịu khó trong công tác.

***Tồn tại**

Có thể rút ra mấy điểm khái quát về tồn tại nguồn nhân lực ở huyện Đức Trọng như sau:

-Nguồn nhân lực khá dồi dào, nhưng chưa được khai thác có hiệu quả, còn đào tạo thì nửa vời, nhiều người chưa được đào tạo.

-Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao,dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa lượng và chất.

-Sự kết hợp, bổ sung, đan xen giữa nguồn nhân lực từ nông dân, công nhân, tri thức.... Chưa tốt, còn chia cắt, thiếu sự cộng lực để cùng nhau thực hiện mục tiêu chung là xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

-Thiếu lao động có trình độ ở các ngành như:tài chính, kế toán, ngân hàng,hành chính ...thiếu nhân lực trong quản lý, vận hành, marketing, bán hàng...

-Thiếu kỹ năng, tác phong chuyên nghiệp. Một bộ phận lớn lao động làm trái ngành nghề.

-Chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông.

-Thế lực chưa cao.

***Nguyên nhân của những tồn tại trên:**

-Đa phần lao động có chất lượng, được qua đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng đều tập trung ở những thành phố lớn, không quay về địa phương để phục vụ.

-Nguyên nhân chủ yếu do năng lực và nhận thức của người lao động còn kém, tâm lý ỉ lại vào các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước của một bộ phận lớn đồng bào dân tộc thiểu số.

-Cơ sở vật chất chưa đảm bảo, trên địa bàn huyện hiện giờ chưa có trường công lập để dạy nghề. Vì vậy, người lao động muốn học nghề phải đến các địa phương khác học.

-Các chính sách để hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tuy nhiều nhưng chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Việc thực hiện những chính sách đó chưa xứng tầm

-Không lường trước được những khó khăn, mâu thuẫn gay gắt giữa một bên là khả năng cho phép nguồn lực và một bên là đòi hỏi phát triển; không nhận thức đúng những yếu kém lớn về năng lực tổ chức và quản lý của bộ máy Nhà nước.

-Các điều kiện đáp ứng nhu cầu phát triển về thể chất cũng như tinh thần của người dân còn nhiều hạn chế như: cơ sở vật chất chưa đảm bảo, các dịch vụ phúc lợi xã hội còn hạn chế.

-Chưa có chính sách quy hoạch sử dụng, thu hút lực lượng lao động, cán bộ nguồn từ sinh viên học đại học, cao đẳng.

-Chất lượng lao động phổ thông thấp, nhận thức còn kém, chưa có tinh thần cầu tiến trong công việc.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP WTO GIAI ĐOẠN 2010-2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC TRỌNG

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CỦA HUYỆN ĐỨC TRỌNG

3.1.1. Phương hướng chung.

-Tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, xây dựng đô thị văn minh, tạo môi trường thuận lợi đầu tư.

-Phát huy tối đa mọi nguồn lực, các tiềm năng lợi thế của phát triển kinh tế, từng bước hiện địa hoá các lĩnh vực thương mại, tiểu thủ công nghiệp.

-Thực hiện tốt chính sách xã hội, cải thiện môi trường và nâng dần chất lượng phục vụ đời sống của nhân dân, xay doing hệ thống chính trị đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.1.2. Các mục tiêu cụ thể

Phát huy nội lực, thu hút đầu tư và tranh thủ các nguồn lực để tiếp tục xây dựng nhà ở và các khu trung tâm thương mại dịch vụ, cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, tập trung chỉnh trang các trường học, cơ sở y tế và khu dân cư lao động

nghèo, nhằm phát triển nông thôn, đô thị huyện ngày càng văn minh sạch đẹp và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

+Tập trung, quy hoạch, hoàn thành nâng cấp thị trấn Liên Nghĩa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV tiến tới thành lập thị xã Liên Khương, sớm hoàn thành quy hoạch chi tiết chỉnh trang thị trấn Liên Nghĩa thành đô thị loại IV; quy hoạch chi tiết đô thị 1,2,3 Liên Khương-Prenn; quy hoạch chi tiết thị trấn Đại Ninh và điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đức Trọng vào năm 2010.

+Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và hiện đại hoá các hoạt động dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám cao: công nghệ phần mềm tin học, tư vấn, ngân hàng tài chính, các dịch vụ phục vụ đời sống, nhu cầu học tập đi lại, thể dục thể thao, chăm sóc sức khoẻ.

+Phát huy nội lực để phát triển kinh tế theo hướng tăng tốc, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội với chủ đề: "Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm, đẩy mạnh phát triển kinh tế bền vững".

+Về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khuyến khích các loại hình sử dụng công nghệ cao như: sản xuất rau sạch, rau thương phẩm... tinh sạch không ảnh hưởng đến môi trường

Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh, tôn trọng kỷ cương pháp luật. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, làm cho nếp sống văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng công sở, từng địa hình và từng người dân.

Đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trong cộng đồng, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn các loại bệnh

Hoàn thành hiệu quả chương trình xoá đói, giảm nghèo hàng năm giới thiệu cho 3.500 lao động.

Tiếp tục phát triển cơ sở, nâng cao chất lượng phong trào thể thao, chú trọng giáo dục, rèn luyện thể chất trong học sinh, thanh thiếu niên. Đồng thời phát triển lực lượng vận động viên các bộ môn thể thao mũi nhọn của Huyện.

Quan tâm chăm lo giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ tay nghề cho đội ngũ công nhân lao động.

Chú trọng giáo dục phát triển lý tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, lối sống đẹp cho thanh niên.

Phần đầu 50% cán bộ công chức cơ sở có độ tuổi trung bình là 35.

3.2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC HUYỆN ĐỨC TRỌNG VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ.

Trong những năm qua, mặt dù gặp không ít khó khăn, thách thức nhất là phải đối đầu với tình trạng lạm phát tăng cao... nhưng kinh tế huyện Đức Trọng vẫn phát triển khá. Đức Trọng đã chọn công tác thu hút đầu tư làm khâu đột phá Công nghiệp, Thương mại, Dịch vụ theo phương châm “khởi trong, hút ngoài”. Phát huy có hiệu quả các nguồn lực, trong đó phát huy nguồn nội lực là yếu tố để đảm bảo sự phát triển bền vững; tranh thủ các yếu tố bên ngoài là yếu tố có tính đột phá để đẩy mạnh sự phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong các nguồn lực thì nguồn nhân lực(lực lượng lao động) có vai trò mang tính quyết định:

Nhà ở: Mật độ dân số huyện đứng thứ 3 trong tỉnh, so với một huyện miền núi thì đây là mật độ khá cao. Trong huyện vẫn còn một số khu dân cư chưa đảm bảo về nhà ở đặc biệt là những vùng dân tộc Tây Nguyên như các xã vùng Loan, N’TholHạ...Nhà vệ sinh chưa đúng quy cách, chưa đảm bảo.

Thể dục, thể thao: Toàn huyện chưa có đến 40 % người dân tham gia thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu luyện tập thể dục, thể thao của mọi người.

Chăm sóc sức khỏe: toàn huyện chỉ có một trung tâm y tế, còn lại mỗi xã có một trạm y tế nhưng cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn và rất lạc hậu.

Nguồn nhân lực: dân cư có xu hướng già đi, số người từ 15-34 tuổi chiếm tỷ lệ 38,45%, từ 35-59% chiếm 5,987%. Như đã trình bày ở phần trên, những năm gần đây ở huyện không xảy hiện tượng bùng nổ dân số. Tình hình dân số Huyện hiện nay thuận lợi cho phát triển các ngành lao động với trình độ cao, do tốc độ phát triển dân số thấp nên dễ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Hiện nay số giáo viên trên địa bàn huyện vẫn thiếu so với lượng học sinh, giáo viên vẫn có những người đạt trình độ cao :Cao Đẳng, Đại học...Để có thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia thì trình độ năng lực của giáo viên phải được củng cố, nâng cao hơn nữa.

Như đã trình bày ở trên Huyện cần quy hoạch, xây dựng các trung tâm Thương mại, Thể dục thể thao, xây dựng cơ sở hạ tầng để nâng cấp đô thị, những trình độ lao động trong ngành Xây dựng ở địa bàn Huyện còn thấp. Do đó, Huyện cần thu hút các thành phần kinh tế về thiết kế, xây dựng và lực

lượng lao động trong khu vực xây dựng. Như vậy Huyện cần phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng.

Huyện Đức Trọng có nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều hộ cá thể kinh doanh theo hướng tự phát, không được bồi dưỡng qua trường lớp trong ngành thương mại dịch vụ, nông dân chưa được hướng dẫn kỹ thuật cao, trình độ dân trí thấp. Vì vậy cần có sự đào tạo lại và nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực về trình độ chuyên môn kỹ thuật và những kiến thức cần thiết trong kinh doanh, quản lý, sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính của Huyện, xã cần được nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý nhà nước, lý luận chính trị, trình độ anh văn, vi tính....Huyện cần nâng cao năng lực của cán bộ trong xây dựng, đào tạo lại.

Dạy nghề: cần phát triển mạnh việc dạy các nghề đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đặc biệt là ở các khu công nghiệp.

Việc giải quyết lao động trên địa bàn huyện tương đối tốt. Tuy nhiên cần linh động để thu hút lao động cho các doanh nghiệp tránh tình trạng các doanh nghiệp, xí nghiệp phải thu hẹp sản xuất khi thiếu lao động như hiện nay.

3.3.YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA HUYỆN ĐỨC TRỌNG PHỤC VỤ TỪNG NGÀNH NGHỀ.

3.3.1.Định hướng phát triển các ngành kinh tế.

-Hiện đại hoá, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nông nghiệp nâng cao chất lượng và sản lượng nông sản, giảm bớt chi phí và lao động trong sản xuất.

-Hiện đại hoá các hoạt động thương mại- dịch vụ: như tổ chức thương mại điện tử

-Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám cao:

+Công nghệ phần mềm

+Dịch vụ tin học

+Tư vấn

+Ngân hàng và tài chính

+Các dịch vụ phục vụ đời sống, nhu cầu học tập, đi lại, vận chuyển hàng hoá, thể dục thể thao, chăm sóc sức khoẻ.

-Tiểu thủ công nghiệp khuyến khích các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, tinh sạch không ảnh hưởng đến môi trường, khuyến khích các ngành công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản.

3.3.2. Yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế của huyện Đức Trọng

-Lao động phục vụ cho ngành nông nghiệp:

+Cần những lao động phổ thông khoẻ mạnh, cần cù, sáng tạo, có trình độ học vấn nhất định để tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại áp dụng vào sản xuất.

+Lao động nông nghiệp trong thời kỳ mở cửa, trong nền kinh tế thị trường nhiều biến động cần phải linh hoạt, nhạy bén nắm bắt xu thế thị trường để sản xuất những mặt hàng nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường.

-Lao động phục vụ cho ngành thương mại:

+Cần các lao động phổ thông(ví dụ nhân viên bán hàng trong ngành sản phẩm không chứa hàm lượng trí tuệ cao) và những lao động có trình độ chuyên môn

+Các phẩm chất cần thiết:

- Sáng tạo, linh hoạt, chủ động trong công việc
- Trọng chữ tín
- Thật thà, trung thực
- Giỏi kinh doanh, lao động làm việc trong thương mại cần phải có khả năng nhận dạng và phân tích thị hiếu khách hàng, họ cần được đào tạo nghệ thuật chinh phục khách hàng qua giao tiếp và bán hàng....
- Một yêu cầu rất quan trọng của ngành thương mại hiện nay là phải đảm bảo cho lao động trong ngành có thể làm tốt việc trong thương mại điện tử. Như vậy người lao động cần giỏi về tin học và ngoại ngữ. Với những người quản lý trong các cơ sở kinh tế hộ gia đình và các doanh nghiệp làm thương mại cần phải nâng cao kiến thức kinh doanh theo cơ chế thị trường, nâng cao kiến thức về marketing.

-Lực lượng lao động trong ngành công nghệ sạch, sử dụng công nghệ hiện đại.

- Đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao, một số ở ngành mũi nhọn, lành nghề.
- Các phẩm chất cần có:
 - ❖ Tác phong, thái độ, ý thức công nghiệp.
 - ❖ Sự sáng tạo, ham học hỏi, thích ứng với công nghệ cao.

❖ Có ý thức tự nâng cao trình độ của bản thân.

-Lực lượng lao động trong các ngành dịch vụ

○ Các ngành dịch vụ phục vụ đời sống, nhu cầu học tập, đi lại, thể dục thể thao, chăm sóc sức khoẻ.

❖ Cần lao động các ngành: làm đẹp, nấu ăn, lái xe...

❖ Lực lượng lao động hàm lượng chất xám cao: giáo viên tin học, giáo viên ngoại ngữ, y tá, bác sĩ...

○ Phẩm chất cần có: trình độ chuyên môn cao, phục vụ tốt khách hàng.

○ Các ngành dịch vụ hàm lượng chất xám cao. Cần có long lớn các nhà tư vấn, các nhà kinh doanh, kỹ sư phần mềm, người giỏi trong lĩnh vực tài chính...

-Nâng cao chất lượng cán bộ công chức Huyện, xã, cụ thể về nhu cầu đào tạo Cán bộ Công chức: đào tạo Cao học và đại học, ưu tiên tổ chức các ngành ĐH luật, ĐH hành chính, ĐH tài chính-kế toán, cử cán bộ có đủ điều kiện tham gia dự thi tuyển cao học. Đưa đi đào tạo các ngành như xây dựng, kiểm toán, thẩm định dự án...

3.4.GIẢI PHÁP.

Mọi giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện đều phải tập trung xác định rõ nguồn nhân lực là tài nguyên quý giá nhất trong công cuộc đổi mới và phát triển của huyện. Một huyện ít tài nguyên thiên nhiên như huyện Đức Trọng thì cần phải lấy nguồn nhân lực làm tài nguyên thay thế, gọi là tài nguyên nhân lực hoặc tài nguyên con người.

3.4.1.Văn hoá nghệ thuật

Đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 là ” làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ thống giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”.

Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển nền tảng văn hoá tinh thần của Huyện. Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá trong kinh doanh, văn hoá trong nhân cách của thiếu niên, thanh niên. Chống những hiện tượng phản văn hoá, phi văn hoá.

Đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hoá đại đoàn kết các dân tộc, văn hoá đại chúng và môi trường lành mạnh trên địa bàn Huyện. Bồi dưỡng các tài năng văn hoá, khuyến khích đồng bào các dân tộc giữ gìn, bảo quản và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng và mở rộng diện phổ biến các sản phẩm văn hoá đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn Huyện.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá thông tin, phát thanh, truyền hình trên tất cả các xã, các thôn, xóm.

Xúc tiến xã hội hoá các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng khu phố, từng thôn xóm. Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong toàn Huyện để đầu tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đoàn thể tham gia hoạt động văn hoá, nghệ thuật, quản lý và bảo vệ di tích văn hoá, di sản văn hoá.

Mở rộng giao lưu văn hoá, thông tin với các huyện lân cận, các huyện trong cả nước và thế giới.

Đổi mới và tăng cường quản lý của hệ thống chính quyền Huyện trong lĩnh vực văn hoá- thông tin.

3.4.2. Thể dục thể thao

Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng cho việc rèn luyện thể dục, thể thao như xây dựng các khu luyện tập thể dục thể thao: hồ bơi, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis... Chú trọng rèn luyện thể chất cho thanh thiếu niên.

Tuyên truyền nâng cao tinh thần thể dục thể thao, rèn luyện sức khoẻ. Khuyến khích kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng cơ sở thể dục thể thao. Hằng năm Huyện phải có nhiều chương trình thi đua về thể dục thể thao, nâng cao thành tích thể thao vào những năm tới.

3.4.3. Y tế

Nâng cao hơn nữa chất lượng con người và chất lượng sống. Chất lượng con người, trước hết, phải tính đến vấn đề sinh nở. Ngành Y tế huyện cần có những quy định cụ thể về chất lượng sinh nở như kiểm tra sức khoẻ, bệnh tật, tính di truyền... trước khi đăng kí giá thú để tránh việc sinh ra những đứa trẻ còi cọc, không phát triển được về trí tuệ.

Khi đã có chất lượng con người, phải tính đến chất lượng cuộc sống, có nghĩa là phải nuôi dưỡng về vật chất và tinh thần của con người, đảm bảo cho họ có thể lực dồi dào, trí tuệ minh mẫn.

Đổi mới và nâng cao chất lượng và công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân toàn huyện đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển con người.

Tăng cường đầu tư của Huyện và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các trung tâm, trạm xá; đồng thời có chính sách hỗ trợ để giúp các đối tượng chính sách, người nghèo, có thu nhập thấp tiếp cận với các dịch vụ y tế. Mở rộng các hình thức dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà, bác sỹ gia đình, chăm sóc người già cô đơn bệnh tật.

Hoàn thiện và củng cố mạng lưới y tế cổ truyền. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn người dân nuôi, trồng và sử dụng các con vật, cây làm thuốc chữa bệnh.

Huyện trợ giúp một phần hoặc toàn bộ viện phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách thông qua bảo hiểm y tế, thực hiện tốt khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

3.4.4. Nhà ở

Tiếp tục, rà soát, lập danh sách xây dựng nhà ở cho hộ nghèo. Quy hoạch xây dựng khu đô thị, khu dân cư, nhà ở tái định cư cho các dự án được triển khai trên địa bàn huyện trong thời gian qua như: đường cao tốc, KCN Phú Hội, Tân Phú, nhà máy thủy điện Đại Ninh...

Tạo điều kiện để các đơn vị sản xuất kinh doanh có thể lo chỗ ở cho người dân đạt thành tích xuất sắc. Tiếp tục giữ vững mọi trường an ninh trật tự của Huyện để thu hút các đơn vị hoạt động tại Huyện.

3.4.5. Giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

3.4.5.1. Giáo dục phổ thông

Huyện cần nâng cao chất lượng dạy và học cho học sinh cấp II, III để bảo đảm cung cấp kiến thức, kỹ năng phổ thông cơ bản, vận dụng những kiến thức đó, phát triển nhân cách học sinh, hướng nghiệp cho học sinh khi ra trường.

-Chất lượng giáo viên: kiểm tra thường xuyên trình độ của giáo viên như thông qua sổ sách, giáo án, dự giờ, kiểm tra đột xuất và định kỳ, thăm dò ý kiến của học sinh về giáo viên. Bên cạnh đó cần tuyên dương khen thưởng giáo viên có thành tích tốt trong dạy học. Tại các trường có chế độ tuyển dụng nghiêm ngặt.

-Cơ sở vật chất: Huyện cần có chính sách thu hút đầu tư cơ sở vật chất dạy học, cần trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học như: phòng học ngoại ngữ, phòng học tin học, phòng thí nghiệm vật lý, hoá học, sinh học...

-Phương pháp dạy học: Cần đổi mới phương pháp dạy học ở giáo viên. Không nên áp dụng phương pháp một chiều là giáo viên dạy, học sinh nghe mà vận dụng phương pháp hai chiều giữa học sinh và giáo viên để tạo không khí học tập chủ động, sáng tạo cho học sinh và giáo viên. Hiện nay phương pháp giảng dạy của chúng ta bị phê phán nhiều, Huyện cần có chính sách sửa đổi và phát triển.

-Hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp: tư vấn giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng, năng khiếu, điều kiện, hoàn cảnh của học sinh. Hướng dẫn, tư vấn cho học sinh chọn con đường nghề nghiệp không chỉ bằng con đường đại học mà còn nhiều con đường khác để thành công.

3.4.5.2. Học nghề.

Cùng với các cơ sở dạy nghề công lập, huyện thực hiện phát triển mạnh lưới cơ sở dạy nghề thông qua việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân có điều kiện mở ra cơ sở dạy nghề, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên dạy nghề cho các đơn vị kể cả tư nhân.

Thực hiện liên kết giữa 3 nhà (Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà trường) trong việc đào tạo nghề.

Đào tạo nghề cho học viên đồng thời dạy nhân cách nghề nghiệp và những phẩm chất tốt đẹp cho học viên

Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cho các học viên học nghề:

+Huyện cần ban hành những chính sách thu hút các cơ sở dạy nghề hoạt động trong các lĩnh vực mũi nhọn của huyện để phục vụ cho phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ hàm lượng chất xám cao. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở, trung tâm dạy nghề cho người tàn tật để giúp họ có thể tự lo cho cuộc sống của bản thân.

+Vận động các DN hỗ trợ các cơ sở đào tạo và người học nghề các lĩnh vực như: cho phép các cơ sở dạy nghề gửi học viên sau khi hoàn thành kiến thức, kỹ năng cơ bản (đào tạo ban đầu) tìm hiểu quy trình vận hành thiết bị của DN, hỗ trợ hoặc bán lại cho các cơ sở đào tạo với giá rẻ các thiết bị, máy móc của DN do chuyển đổi công nghệ, thiết bị...

+Phòng Lao động – TBXH và phòng Giáo dục-đào tạo cần phối hợp chặt chẽ để kiểm tra các hoạt động của các cơ sở, trung tâm dạy nghề của Huyện.

+Phòng Thống kê và phòng Lao động – Thương binh xã hội tiến hành điều tra, giới thiệu việc làm cho người tàn tật, người nghèo, gia đình chính

sách... Tuyên dương đối với những học viên chăm chỉ, cấp học bổng cho sinh viên vượt khó để học tập.

+Huyện cần tạo điều kiện để tạo ra sự liên kết, hỗ trợ giữa các trung tâm, cơ sở dạy nghề để trao đổi kinh nghiệm, phương pháp dạy học, hỗ trợ nhau trong quá trình giảng dạy.

+Các trung tâm dạy nghề phải đảm bảo trang thiết bị cần thiết cho việc dạy và học, trình độ giáo viên cao, bồi dưỡng cho những giáo viên còn thiếu kinh nghiệm. Huyện cần ưu tiên phát triển ngành dịch vụ cao cấp, tiểu thủ công nghiệp. Thường xuyên thống kê những học viên ra trường, tạo việc làm cho họ.

Huyện cần có chương trình đào tạo nhân lực chuyên môn kỹ thuật cho các ngành nghề chịu tác động lớn rõ ràng của gia nhập WTO. Đó chính là các ngành nghề có tốc độ tăng trưởng nhanh về hàng hoá và dịch vụ XNK, phát triển nhanh nhu cầu lao động kỹ năng.

3.4.5.3.Đào tạo lại nguồn nhân lực

-Nâng cao trình độ học vấn cho người chưa tốt nghiệp phổ thông.

+Có chương trình đào tạo phù hợp với khả năng của họ, phương pháp dạy phù hợp, cung cấp đầy đủ kiến thức lý luận và thực tiễn.

+Nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ giảng viên.

+Khuyến khích người học cả về vật chất lẫn tinh thần, bằng nhiều hình thức khích lệ cụ thể để họ có ý thức tự học và ham học.

-Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động trên địa bàn.

+Một số ngành trong Huyện vẫn có trình độ tương đối thấp không đáp ứng được nhu cầu của công việc vì thế cần phải đào tạo lại. Trình độ CB-CC chưa cao cần bồi dưỡng thêm về trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị, trình độ tin học ngoại ngữ.

+Đối tượng cần đào tạo lại: bao gồm CB-CC trong bộ máy hành chính của Huyện, chủ các cơ sở kinh doanh thương mại trên địa bàn Huyện, những người lao động không đáp ứng được đầy đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ngành nghề.

+Phương pháp đào tạo lại nguồn nhân lực gồm: người lao động tự lo bồi dưỡng nâng cao trình độ đồng thời người sử dụng lao động cũng có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động thông qua các đợt tập huấn, huấn luyện.

-Tích cực đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ doanh nhân ngành tầm quốc tế, đảm bảo đội ngũ này được tính chuyên nghiệp kinh doanh, tính năng động, hiệu quả trên thương trường, hiểu biết xây dựng thương hiệu và uy tín doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc luật và thông lệ quốc tế kinh doanh quốc tế.

-Phát triển nhanh nguồn nhân lực chuyên sâu-kỹ thuật cho các mục tiêu chiến lược Xuất khẩu lao động trong bối cảnh thuận lợi tham gia của nước ta vào WTO. Trong đó cần nhanh chóng mở rộng thị trường lao động sang nhiều nước.

Đối với các doanh nghiệp, giải pháp chủ động nâng cao cạnh tranh, thích ứng nhanh với việc thực hiện hiệp định đa phương WTO là tăng cường đầu tư cho nguồn nhân lực, phải thực sự coi đầu tư cho đào tạo nguồn lực kỹ thuật, tay nghề cao, nâng cao trình độ ngoại ngữ và kiến thức pháp luật quốc tế là đầu tư chiến lược, đầu tư cho nguồn lực quan trọng nhất. Do đó phải mở rộng quỹ đào tạo để thực hiện thường xuyên đào tạo nâng cao, đào tạo lại chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ suốt đời cho người lao động. Đào tạo nhân lực gắn với khuyến khích đầu tư sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000, SA 8000. Xây dựng đội ngũ nhân lực theo tiêu chuẩn của các nước thành viên WTO.

3.4.6.Thu hút nhân lực

Với đà phát triển mạnh mẽ, huyện Đức Trọng bên cạnh những nguồn lực sẵn có còn đồng thời huy động, thu hút những nguồn lực từ bên ngoài để đáp ứng cho đà tăng trưởng, đặc biệt là nguồn nhân lực.

Tuy nhiên hiện nay Huyện chưa có chính sách ưu đãi cụ thể nào để thu hút nguồn nhân lực từ những nơi khác.Việc thu hút nhân lực có trình độ cao đến làm việc tại Huyện là rất cần thiết vì hiện tại trong bộ máy Hành chính của các Xã đang rất thiếu CB-CC có trình độ chuyên môn về Tài Chính kế toán, Hành chính sự nghiệp..

Có những giải pháp để thu hút lao động đến với Huyện Đức Trọng:

+Thông báo rộng rãi về nhu cầu tuyển dụng sẽ thu hút được nhiều lao động, ít tốn kém nhưng hiệu quả lại cao.

+Đầu tư cho những sinh viên đang học ở các trường đại học, cao đẳng bằng cách cấp học bổng, khi ra trường các sinh viên này sẽ về làm cho Huyện theo sự sắp xếp và phân công công tác. Có thể gọi đây là chương trình đào tạo cán bộ nguồn.

+Chính quyền Huyện tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh, các cơ sở kinh tế để thu hút nguồn nhân lực.

3.4.7. Chính sách phát huy các nguồn lực

-Thực hiện nhất quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp.

-Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan nhà nước về lao động, tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người lao động trong xây dựng và thực thi vào cuộc sống các chính sách phát triển nguồn nhân lực Huyện nói chung và nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, cơ quan.

-Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trên đại bàn huyện,

-Đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể.

-Tiếp tục phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp tư nhân toàn huyện.

3.4.8. Giải quyết việc làm cho người lao động.

Vấn đề giải quyết việc làm là vấn đề vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của bất kỳ một địa phương nào. Trong những năm qua việc giải quyết việc làm cho người lao động, huyện Đức Trọng đã làm tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế nhất định.

Huyện và các doanh nghiệp cần phải chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nhân tài trong quá trình đào tạo lại, đào tạo mới và thu hút nguồn nhân lực, để các biện pháp được thực hiện thành công, hiệu quả cao nhất thì rất cần sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, các cơ sở y tế trên địa bàn.

Cần phải liên kết trong đào tạo: các cơ sở, doanh nghiệp sẽ nhận học viên tại các trường dạy nghề đến thực tập, hay các doanh nghiệp đào tạo với trường dạy nghề.

Quận sẽ cung cấp cho các cơ sở nguồn lao động để tuyển dụng, còn các cơ sở phải thông báo cho Huyện về nhu cầu ngành nghề, chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời Huyện và các đơn vị, doanh nghiệp liên kết với nhau để tạo hội chợ việc làm.

Thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động gắn với thị trường của hệ thống đào tạo, dạy nghề. Đào tạo, dạy nghề gắn với nhu cầu thực tế của Huyện và tiềm năng của thị trường lao động, gắn với nhu cầu người lao động.

3.5. KIẾN NGHỊ

Huyện cần có chính sách trong việc phát triển mạnh các cơ sở đào tạo chất lượng cao. Có chính sách thu hút vốn đầu tư vào các ngành công nghệ cao, tài chính, ngân hàng, tin học...

Đổi mới chương trình, công nghệ đào tạo phù hợp với yêu cầu cung cấp nhân lực cho các KCN trong huyện.

Nếu nguồn lao động tại chỗ không đủ đáp ứng, nhà đầu tư được tuyển dụng lao động tại các địa phương khác trong cả nước kể cả bộ phận lao động là người nước ngoài.

Cần có quy định về chuẩn: cơ sở vật chất theo từng ngành nghề cụ thể, chương trình cần thống nhất thời lượng, nội dung. Chúng ta cần huy động mọi nguồn lực trong việc thực hiện nhiệm vụ, tìm ra những giải pháp thích hợp.

Huyện cần tạo điều kiện các doanh nghiệp đóng trên địa bàn mình xây dựng khu nghỉ, nhà ở cho người lao động của mình như chung cư, kí túc xá. Mở nhiều trung tâm dạy nghề có hỗ trợ học phí, phí sinh hoạt cho người gặp hoàn cảnh khó khăn...

Huyện cần xây dựng nhiều chính sách đầu tư, quy hoạch lại khu dân cư, xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho cuộc sống người dân như các công viên, khu vui chơi giải trí, y tế, thể dục thể thao, có kế hoạch quy hoạch đồng bộ, hợp lý theo mục tiêu chung phát triển bền vững.

Nâng cao chất lượng Đảng viên: tư tưởng chính trị có bản lĩnh chính trị rõ ràng, không dao động trước những khó khăn, thách thức; giữ vững và nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng; có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; có tinh thần trách nhiệm gương mẫu cao, đi đầu trong công tác; sàng lọc Đảng viên, kiên quyết đấu tranh giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh.

Củng cố, kiện toàn hệ thống thanh tra các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan.

PHẦN KẾT LUẬN

Thời gian vừa qua, tình hình kinh tế-xã hội nước ta chịu tác động của nhiều yếu tố không thuận lợi. Trong khi sức cạnh tranh của nhiều ngành và của nền kinh tế còn nhiều hạn chế thì giá cả của hầu hết các loại vật tư, nguyên liệu đầu vào nhập khẩu trên thị trường thế giới tăng liên tục hoặc đứng ở mức cao; thiên tai dịch bệnh lại xảy ra ở nhiều địa phương và trên cả nước.

Hiện nay, trên thế giới, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực dần được phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn , thách

thức cho các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Khoa học công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh, xung đột dân tộc, xung đột tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời xuất hiện nhiều vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu đòi hỏi cần có sự hợp tác, phối hợp giữa các quốc gia để cùng nhau giải quyết như vấn đề chênh lệch khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa các nước, tình trạng môi trường tự nhiên bị phá huỷ, diễn biến khí hậu phức tạp và ngày càng xấu.

Khu vực mậu dịch Châu Á-Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á là những điểm nóng phát triển sôi động. Hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Nước ta đang đứng trước những cơ hội đan xen với nhiều thách thức, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Nguy cơ Việt Nam tụt hậu xa hơn so với nền kinh tế các nước phát triển trên thế giới vẫn đang tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, xa rời quần chúng, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn ráo riết thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng chống phá, thay đổi chế độ chính trị của nước ta. Nhất là hiện nay khi nước ta đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại WTO thì những thách thức đó càng lớn hơn.

Trong sự phát triển kinh tế-xã hội, nguồn lực con người là vô cùng quan trọng. Nguồn nhân lực vừa đóng vai trò cung vừa đóng vai trò cầu cho sự phát triển. Con người là nguồn lực quyết định mọi quá trình phát triển.

Huyện Đức Trọng là một trong những địa phương có nền kinh tế phát triển nhất tỉnh Lâm Đồng. Phát huy lợi thế về giao thông và thổ nhưỡng của địa phương, Huyện Đức Trọng đang tập trung cho chương trình nông nghiệp công nghệ cao trong đó cây rau là sản phẩm chiến lược. Hiện nay, thương mại-dịch vụ, du lịch, vận tải trên địa bàn huyện cũng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế. Khi chúng ta gia nhập WTO thì việc phát triển các ngành nói trên có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, đồng thời chúng ta cũng bước vào môi trường cạnh tranh quyết liệt hơn. Để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh đó

nguồn lực quan trọng cần được quan tâm nhiều đó là nguồn lực trí tuệ và con người. Nhìn chung trình độ nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đức Trọng tương đối thấp, các mối quan hệ còn nhiều bất cập. Để khắc phục tình trạng trên huyện đã chú ý phát triển văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, luyện tập thể dục thể thao, phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng... góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Huyện. Tuy nhiên cơ sở vật chất phục vụ cho văn hoá, giáo dục, y tế...các điều kiện để phát triển con người vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong đề tài này có đưa ra một số gợi ý giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quá trình hội nhập WTO như: chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nâng cao văn hoá, văn nghệ giải trí, rèn luyện thể dục thể thao cho người dân, nâng cao chất lượng dạy phổ thông và dạy nghề, thu hút nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đức Trọng.